

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN BẠC LIÊU (SBL)**

Lô B5, KCN Trà Kha, P.8, TP.Bạc Liêu, T.Bạc Liêu

MST 1900333973

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Năm 2021

## Mục lục

|     |  |    |
|-----|--|----|
| I   | THÔNG TIN CHUNG.....   | 5  |
| 1   | Thông tin khái quát.....   | 5  |
| 2   | Quá trình hình thành và phát triển.....                                    | 5  |
| 2.1 | Quá trình hình thành và phát triển.....                                    | 5  |
| 2.2 | Thành tích trong quá trình hoạt động.....                                  | 6  |
| 3   | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....                                      | 8  |
| 3.1 | Ngành nghề kinh doanh.....   | 8  |
| 3.2 | Địa bàn kinh doanh.....  | 8  |
| 4   | Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức.....                                      | 8  |
| 4.1 | Mô hình quản trị, Cơ cấu bộ máy quản lý.....                               | 8  |
| 5   | Định hướng phát triển:.....  | 9  |
| 5.1 | Mục tiêu chủ yếu:.....   | 9  |
| 5.2 | Chiến lược và định hướng phát triển kinh doanh cho giai đoạn 2021 – 2026 . | 10 |
| 6   | Các nhân tố rủi ro.....  | 10 |
| 6.1 | Rủi ro kinh tế:.....   | 10 |
| 6.2 | Rủi ro pháp luật.....  | 11 |
| 6.3 | Rủi ro đặc thù hoạt động.....  | 11 |
| 6.4 | Rủi ro cạnh tranh thị trường.....  | 11 |
| 6.5 | Rủi ro môi trường.....   | 12 |
| 6.6 | Rủi ro khác.....   | 12 |
| II  | TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....  | 12 |
| 1   | Hội đồng quản trị.....   | 12 |
| 2   | Ban Giám đốc.....  | 16 |
| 3   | Ban Kiểm soát.....   | 19 |
| 4   | Những thay đổi trong Ban Điều hành:.....                                   | 21 |
| 5   | Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động.....            | 21 |
| 5.1 | Về cơ cấu tổ chức, nhân sự, tiền lương:.....                               | 21 |
| 5.2 | Chính sách đào tạo, lương thưởng, chế độ phúc lợi:.....                    | 22 |
| III | Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:.....                              | 23 |
| 1   | Tình hình tài chính.....   | 24 |
| 1.1 | Tình hình tài chính.....   | 24 |
| 1.2 | Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....  | 24 |
| 2   | Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu.....            | 25 |
| 2.1 | Cổ phần.....   | 25 |

|            |   |           |
|------------|---|-----------|
| 2.2        | Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....                    | 26        |
| 2.3        | Giao dịch cổ phiếu quỹ.....   | 26        |
| 2.4        | Các chứng khoán khác .....  | 26        |
| <b>IV</b>  | <b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....</b>                                 | <b>27</b> |
| 1          | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....                  | 27        |
| 1.1        | Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh:..... | 27        |
| 1.2        | Kết quả thực hiện các chỉ tiêu so với kế hoạch: .....                 | 27        |
| 2          | Tình hình tài chính .....   | 29        |
| 2.1        | Tình hình tài sản.....  | 29        |
| 2.2        | Tình hình nợ phải trả .....   | 29        |
| 3          | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....            | 30        |
| 4          | Kế hoạch phát triển trong tương lai: .....                            | 30        |
| 4.1        | Về sản lượng sản xuất và giao hàng:.....                              | 30        |
| 4.2        | Một số giải pháp quản lý, điều hành công tác sản xuất năm 2021: ..... | 30        |
| <b>V</b>   | <b>ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY....</b>    | <b>31</b> |
| 1          | Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty .....                       | 31        |
| 2          | Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc.....                              | 31        |
| 3          | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....                  | 32        |
| 3.1        | Tình hình chung về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021: .....       | 32        |
| 3.2        | Các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động 2021: .....                           | 32        |
| <b>VI</b>  | <b>BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: .....</b>                             | <b>33</b> |
| 1          | Mục tiêu phát triển bền vững:.....                                    | 33        |
| 1.1        | Về hoạt động kinh doanh:.....   | 33        |
| 1.2        | Về môi trường:.....   | 33        |
| 1.3        | Về an toàn vệ sinh thực phẩm:.....                                    | 34        |
| 1.4        | Về xã hội và cộng đồng:.....  | 34        |
| 2          | Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, cộng đồng và xã hội.....   | 34        |
| 2.1        | Các biện pháp bảo vệ môi trường: .....                                | 34        |
| 2.2        | Quản lý nguồn nguyên vật liệu: .....                                  | 34        |
| 2.3        | Tiêu thụ năng lượng: .....  | 34        |
| 2.4        | Chính sách liên quan đến người lao động: .....                        | 34        |
| 2.5        | Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: .....                       | 35        |
| <b>VII</b> | <b>QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>   | <b>35</b> |
| 1          | Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....                            | 35        |
| 2          | Hoạt động của Hội đồng quản trị.....                                  | 35        |
| 2.1        | Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:.....                            | 36        |

|      |  |    |
|------|--|----|
| 2.2  | Các quyết định của Hội đồng quản                               | 37 |
| 2.3  | Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập             | 37 |
| 2.4  | Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty | 37 |
| 3    | Hoạt động của Ban Kiểm soát                                    | 37 |
| 3.1  | Hoạt động của Ban Kiểm soát                                    | 37 |
| 4    | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích                    | 38 |
| 4.1  | Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích                    | 38 |
| 4.2  | Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ                          | 39 |
| 4.3  | Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ                       | 39 |
| 4.4  | Việc thực hiện quy định về quản trị công ty                    | 39 |
| VIII | :BÁO CÁO TÀI CHÍNH   | 39 |

# I THÔNG TIN CHUNG

## 1 Thông tin khái quát

|                 |  |
|-----------------|--|
| Tên công ty:    | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU</b>  |
| Tên giao dịch:  | SAIGON – BACLIEU BEER JSC  |
| Tên viết tắt:   | SAIGON – BACLIEU BEER JSC  |
| Giấy CNĐKDN số: | Giấy chứng nhận ĐKKD số 1900333973 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp lần đầu ngày 22 tháng 12 năm 2006, Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04/04/2019. |
| Vốn điều lệ:    | 120.120.000.000 đồng   |
| Địa chỉ:        | Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu   |
| Số điện thoại:  | (0291 3780 781)  |
| Số fax:         | (0291 3780 567)  |
| Website:        | <a href="http://biasaigonbaclieu.com">http://biasaigonbaclieu.com</a>  |
| Email:          | <a href="mailto:bsgbaclieu@gmail.com">bsgbaclieu@gmail.com</a>   |
| Mã cổ phiếu:    | SBL  |
| Logo công ty:   |   |

## 2 Quá trình hình thành và phát triển

### 2.1 Quá trình hình thành và phát triển

| Thời gian | Sự kiện  |
|-----------|--|
| 2006      | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu được thành lập ngày 22/12/2006 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 6003000028 do Sở Kế |

| <b>Thời gian</b> | <b>Sự kiện</b>  |
|------------------|---|
|                  | hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 22/12/2006 với số vốn điều lệ là 35 tỷ đồng.   |
| 2007             | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu tiến hành khởi công xây dựng nhà máy.  |
| 2008             | Nhà máy đã có sản phẩm bia chai Sài Gòn 355 tham gia thị trường tiêu thụ trong hệ thống phân phối của Sabeco.   |
| 2016             | Nhà máy được Tổng Công ty chấp thuận cho sản xuất thêm sản phẩm bia chai Saigon Special.  |
| 2019             | Công ty tích cực tham gia các phong trào thi đua nhằm nâng cao uy tín và chất lượng các sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam và đạt được thành tích xuất sắc. |

## 2.2 Thành tích trong quá trình hoạt động

| <b>Năm</b> | <b>Giải thưởng</b>  |
|------------|---|
| 2009       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ Công Thương tặng bằng khen năm 2008 về thành tích “Trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác” theo quyết định số 0366/QĐ-BCT ngày 20 tháng 01 năm 2009.</li> <li>- Được UBND tỉnh Bạc Liêu tôn vinh “Đã có thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tham gia thực hiện tốt chính sách xã hội năm 2009”;</li> </ul>  |
| 2010       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu tặng bằng khen “Hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế 2009” theo QĐ số: 1238/GĐ-CT ngày 07/06/2010;</li> <li>- Được Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu tôn vinh “Là Doanh nghiệp phát triển toàn diện năm 2010” theo QĐ số 2873/QĐ-UBND ngày 28/10/2010;</li> <li>- Được Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ vinh danh “Đã có thành tích xuất sắc góp phần phát triển mối quan hệ hợp tác giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long” theo QĐ số 46QĐ/BTC-TNB ngày 10/06/2010.</li> <li>- Giám đốc Công ty đạt danh hiệu Danh nhân Việt trong chương trình kỷ niệm 1000 năm Đại lễ Thăng Long Hà Nội năm 2010.</li> </ul> |
| 2011       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ Tài Chính tặng bằng khen năm 2010 về thành tích “Chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế” theo quyết định số 127/QĐ-BTC ngày 27/05/2011.</li> <li>- Năm 2010, 2011, Công ty được UBND tỉnh Bạc Liêu tôn vinh “Đã có thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tham gia thực</li> </ul>  |

| Năm  | Giải thưởng  |
|------|--|
|      | <p>hiện tốt chính sách xã hội”.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu tặng bằng khen “Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2011”;</li> <li>- Năm 2011 được Trung ương hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng giải thưởng “Sao Vàng Đất Việt” theo quyết định số 60/2011/QĐ/UBTU–DNT ngày 10 tháng 10 năm 2011.</li> </ul>   |
| 2012 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu tặng bằng khen “Đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế năm 2011” theo QĐ số: 809/QĐ–UBND ngày 04/04/2012</li> <li>- Được VCCI Cần Thơ trao tặng giấy khen Doanh nghiệp tiêu biểu khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long năm 2011, 2012 do có nhiều thành tích nổi bật trong công tác quản lý, kinh doanh và vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay.</li> <li>- Được UBND thành phố Bạc Liêu tôn vinh Đã có nhiều đóng góp cho quỹ an sinh xã hội năm 2012.</li> <li>- Được Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu tặng bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào đền ơn đáp nghĩa” theo quyết định số 1689/QĐ–UBND ngày 18/07/2012.</li> </ul> |
| 2013 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Huân chương lao động hạng 3 do Chủ tịch nước trao tặng vì đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh và thực hiện chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc theo quyết định số 482/QĐ/CTN ngày 17/04/2012.</li> <li>- Năm 2013 được Trung ương hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng giải thưởng “Sao Vàng Đất Việt” theo quyết định số 333/QĐ TWH ngày 26/08/2013.</li> </ul>  |
| 2014 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận bằng khen của bộ trưởng bộ Công an theo Quyết định số: 7732/QĐ-BCA ngày 24/12/2014.</li> </ul>   |
| 2015 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ tặng cho đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2014 Quyết định số 789/QĐ –TTg ngày 20/09/2015.</li> <li>- Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2015 Quyết định số 0/2015/QĐ/UBTU–DNT ngày 25/09/2015.</li> <li>- Giải bạc chất lượng quốc gia năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ xét tặng. Quyết định số 311/QĐ –TTg ngày 26/02/2016</li> </ul>  |
| 2016 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam chứng nhận đạt “Top 50 Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam” Chứng nhận số: 033/2016 ngày 16/07/2016</li> <li>- Tổng Cục Cảnh sát Môi trường tuyên dương Cty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu là điển hình tiên tiến trong công tác phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm</li> </ul>  |

| Năm  | Giải thưởng   |
|------|---|
|      | (giai đoạn 2006-2016)   |
| 2017 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng kí giao dịch Upcom với mã cổ phiếu SBL.</li> <li>- Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SBL tại sàn Upcom là ngày 23/1/2017.</li> </ul>   |
| 2019 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng Huân chương lao động hạng nhì vì có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2014–2018, góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ quốc theo quyết định số 2001/QĐ–CTN ngày 15/11/2019.</li> <li>- Được Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua “Doanh nghiệp VN hội nhập và phát triển” giai đoạn 2017–2019 theo quyết định số 1550/QĐ–UBND ngày 21/08/2019.</li> <li>- Được Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu tặng Bằng khen vì có thành tích đóng góp chung cho sự phát triển Kinh tế – Xã hội của tỉnh theo quyết định số 1905/QĐ–UBND ngày 14/10/2019.</li> </ul> |

### 3 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### 3.1 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; Sản xuất kinh doanh cồn rượu; kinh doanh kho bãi, vận tải hàng hoá liên tỉnh; mua bán rác thải phế liệu, thủy tinh, cao su phế thải, rác thải, đồng nát; Kinh doanh nông sản sơ chế, lương thực thực phẩm và dịch vụ ăn uống đặc sản.

Hiện nay, hoạt động sản xuất kinh doanh chính mang lại doanh thu cho Công ty là sản phẩm bia chai Sài Gòn 355 (Saigon Export), bia chai Sài Gòn Lager và bia chai Sài Gòn Specail.

#### 3.2 Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của SBL là ở các tỉnh: Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng, Hậu Giang, An Giang và các tỉnh miền Tây.

### 4 Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức

#### 4.1 Mô hình quản trị, Cơ cấu bộ máy quản lý

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

##### 4.1.1 Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp Việt Nam và Điều lệ tổ chức hoạt động của SBL.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.



#### 4.1.2 Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.

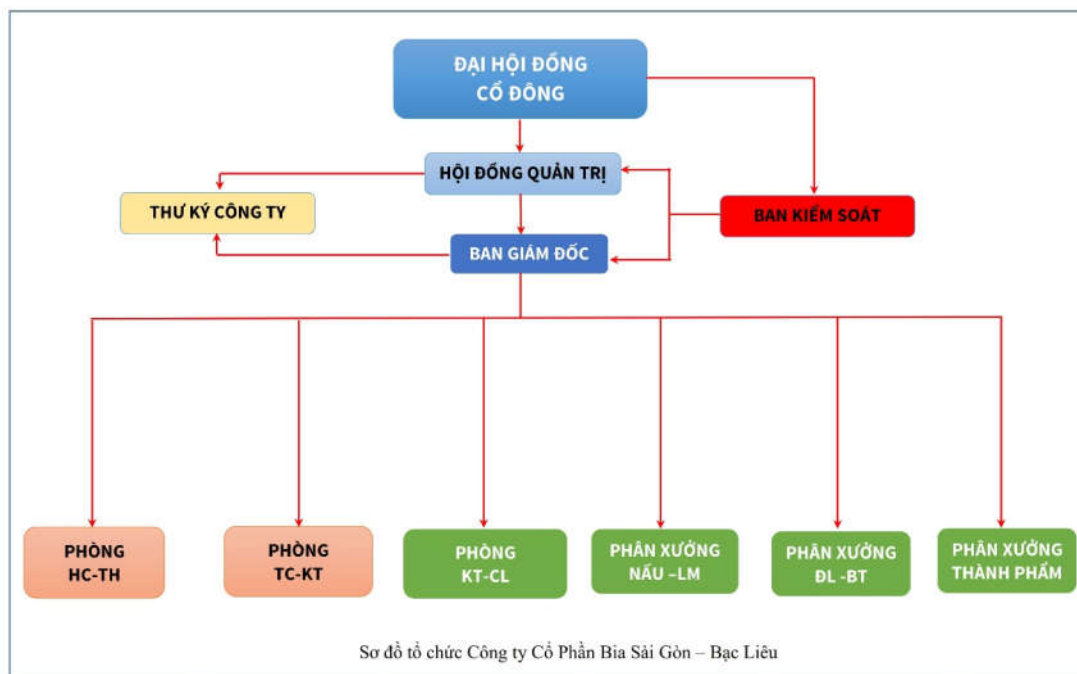
#### 4.1.3 Ban giám đốc

Là Ban có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.

#### 4.1.4 Ban Kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

#### 4.1.5 Sơ đồ tổ chức Công ty



## 5 Định hướng phát triển:

### 5.1 Mục tiêu chủ yếu:

- Chỉ đạo việc duy trì thường xuyên công tác quản lý chất lượng sản phẩm, tuân thủ chặt chẽ quy trình công nghệ theo tiêu chuẩn quy định của Bia Sài Gòn, ISO9001:2008, ISO22000:2005, ISO14001:2004, ISO/IEC17025:2005;
- Tăng cường công tác bảo dưỡng, duy tu, nâng cấp dây chuyền sản xuất;

- Chỉ đạo mua sắm thiết bị, đầu tư các hạng mục trong dây chuyền sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của Tổng Công ty;
- Tiếp tục tập trung phối hợp cùng Tổng Công ty, Công ty thương mại hỗ trợ công tác thị trường, các chương trình marketing hiệu quả để giữ thị phần chính tại các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng;
- Định hướng Công ty nghiên cứu và áp dụng thực hiện các phương án quản trị và tiết kiệm năng lượng hiệu quả;
- Chỉ đạo kiểm soát định mức kinh tế kỹ thuật và nguyên vật liệu đầu vào, thực hành tiết kiệm cùng với phát huy việc cải tiến trong sản xuất;
- Kiểm soát chặt chẽ từng tháng đối với kế hoạch tài chính, dòng tiền và kế hoạch vay và sử dụng vốn của Công ty;
- Thiết lập, củng cố lại các mối quan hệ với lãnh đạo địa phương, nhằm tranh thủ sự hỗ trợ, ủng hộ, vận động tiêu thụ sản phẩm.

## **5.2 Chiến lược và định hướng phát triển kinh doanh cho giai đoạn 2021 – 2026**

- Tiếp tục khai thác hiệu quả và đồng bộ hệ thống các thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện có; đồng thời hoàn thiện quá trình đầu tư mở rộng nhằm nâng công suất Nhà máy lên 70 triệu lít bia/năm;
- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực để mở rộng quy mô sản xuất: tiếp tục phát triển và đào tạo nguồn nhân lực với đội ngũ cán bộ – công nhân viên giàu kinh nghiệm, có năng lực chuyên môn cao và tinh thần làm việc có trách nhiệm;
- Xây dựng và điều chỉnh chính sách tiền lương, đãi ngộ lao động nhằm tránh tình trạng rò rỉ nhân lực đối với cán bộ quản lý và nhân viên lành nghề;
- Tạo điều kiện, cung cấp trang thiết bị, đồng thời hướng dẫn, đào tạo, nhắc nhở công nhân viên thực hiện đầy đủ các quy định bảo hộ lao động nơi làm việc;
- Tăng cường công tác quản lý chất lượng sản phẩm theo quy định và tiêu chuẩn của SABECO: thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005 và Hệ thống Quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004, ISO/IEC 17025:2005 về năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và vị thế của thương hiệu trên thị trường;
- Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm trong sản xuất và quản lý;
- Tinh gọn, cải cách các quy trình, thủ tục, hồ sơ chứng từ biểu mẫu nhằm nâng cao năng suất lao động nhưng đảm bảo vẫn quản lý chặt chẽ;
- Phối hợp với Tổng Công ty thực hiện chính sách Marketing thương hiệu Bia Sài Gòn tại các tỉnh mà nhà máy giao hàng nhằm tăng mức tiêu thụ cho sản phẩm;
- Tiếp tục xây dựng, củng cố niềm tin của người tiêu dùng đối với sản phẩm;
- Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, thực hiện trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng.

## **6 Các nhân tố rủi ro**

### **6.1 Rủi ro kinh tế:**

Trong năm 2020 nền kinh tế của Việt Nam cũng như thế giới gặp nhiều khó khăn và tăng trưởng chậm do diễn biến phức tạp của dịch covid-19. Khi tình hình kinh tế trong

nước phát triển chậm, thu nhập của người dân giảm, trong khi lĩnh vực chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm bia chai Sài Gòn. Đây là những mặt hàng doanh số phụ thuộc lớn vào thu nhập của người tiêu dùng.

Xu hướng người tiêu dùng dịch chuyển sang sử dụng bia lon cho tiện lợi ngày càng nhiều ảnh hưởng lớn đến khả năng tiêu thụ bia chai.

## **6.2 Rủi ro pháp luật**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu là công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM, nên ngoài chịu sự quản lý của luật doanh nghiệp, luật lao động, luật thuế,... còn chịu sự điều chỉnh của hệ thống khung pháp lý của thị trường chứng khoán.

Bên cạnh đó, từ ngày 01/01/2020, Luật phòng chống tác hại rượu, bia số 44/2019/QH14 và Nghị định số 100/2019/NĐ-CP chính thức có hiệu lực thi hành, trong đó có quy định mới về nồng độ cồn đối với người điều khiển phương tiện giao thông và tăng mức xử phạt đối với những trường hợp vi phạm quy định này. Quy định này tuy không trực tiếp mang đến khó khăn về pháp lý cho Công ty nhưng sẽ làm thị trường tiêu thụ bia rượu biến động. Trước tình hình trên, Công ty cần nghiên cứu kỹ lưỡng thị trường để có kế hoạch sản xuất phù hợp.

## **6.3 Rủi ro đặc thù hoạt động**

Đặc thù sản phẩm rượu bia là sản phẩm phải chịu Thuế tiêu thụ đặc biệt. Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu trên 20 độ và bia là 65% kể từ năm 2018 đến nay (tăng 5% so với năm 2017). Công ty sẽ bị ảnh hưởng về lợi nhuận nếu mức thuế suất tiếp tục tăng trong tương lai.

Bên cạnh đó, SBL là đơn vị gia công cho Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO) nên doanh thu, sản lượng và giá cả sản xuất phụ thuộc nhiều vào chiến lược của Tổng công ty. Hoạt động kinh doanh của SBL sẽ bị ảnh hưởng khi Tổng Công ty thay đổi chính sách hợp tác:

- Về mặt sản lượng: Hằng năm, Công ty sản xuất và giao hàng theo kế hoạch sản lượng mà Tổng Công ty giao, nên sản lượng giao hàng sẽ bị ảnh hưởng bởi chiến lược phát triển thị trường của Tổng Công ty. Thêm vào đó thị trường phân phối chính của SBL là vùng có điều kiện kinh tế còn khó khăn, nên cũng sẽ ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ của Công ty.
- Về giá cả sản xuất: Cụ thể, giá cả sản xuất bị tác động phần lớn bởi chi phí nguyên liệu đầu vào. Tổng Công ty nhập khẩu nguyên liệu đầu vào từ nước ngoài, sau đó quyết định giá bán lại cho các đơn vị hợp tác. Có thể thấy rằng, giá mua nguyên liệu đầu vào của SBL bị tác động nhiều bởi chính sách của Tổng công ty. Thêm vào đó, hoạt động nhập khẩu nguyên liệu của Tổng Công ty cũng bị ảnh hưởng nhiều bởi tỷ giá hối đoái, điều này cũng ảnh hưởng đến giá bán nguyên liệu của Tổng Công ty cho SBL.

## **6.4 Rủi ro cạnh tranh thị trường**

Hiện nay, thị trường bia rượu Việt Nam đang gặp cạnh tranh lớn từ các công ty trong nước cũng như các thương hiệu ngoại nhập có mặt tại thị trường Việt Nam, đặc biệt, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh, gây khó khăn về mặt thị trường tiêu thụ đối với Công ty. Chính vì vậy, những năm qua, Công ty luôn nỗ lực để nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín của thương hiệu Bia Sài Gòn trên thị trường, góp phần cùng Ban Marketing-Tổng Công ty đẩy mạnh quảng bá thương hiệu bia Sài Gòn, thông qua các hoạt động an sinh xã hội với địa phương.

## 6.5 Rủi ro môi trường

Trong quá trình hoạt động, Công ty không tránh khỏi các tác động đến môi trường. Lượng chất thải rắn, lỏng phát sinh khá lớn trong các quá trình sản xuất bia; các chất thải khí như CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, bụi than,... cũng phát sinh trong quy trình lên men và đốt lò hơi. Các chất thải sản xuất không được xử lý triệt để và đúng quy trình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và tác động xấu đến sức khoẻ con người, đặc biệt là nhân viên sản xuất và người dân trong khu vực xung quanh nhà máy. Bên cạnh đó, quá trình vận hành máy móc cần tiêu tốn nhiều nhiên liệu và cũng tạo ra lượng nhiệt và tiếng ồn lớn, gây ô nhiễm nhiệt và ô nhiễm tiếng ồn.

Để giảm thiểu các tác động tới môi trường, Công ty luôn chú trọng tuân thủ các quy trình xử lý chất thải, thực hiện phân loại chất thải rắn và tái sử dụng các chất thải hữu cơ để chuyển hoá sinh học. Công ty cũng bổ sung cho nhân viên sản xuất những kiến thức, kỹ năng nhằm bảo vệ sức khoẻ bản thân. Thực hiện đầy đủ chế độ phụ cấp độc hại cho người lao động.

## 6.6 Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, Công ty còn có khả năng gặp những rủi ro bất khả kháng trong quá trình hoạt động như: thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ,... Năm 2020 đại dịch bệnh Covid-19 gây ảnh hưởng lớn đến tình hình tiêu thụ của ngành bia do lệnh giãn cách xã hội, Những rủi ro thiên tai, cháy nổ tuy xác suất xảy ra rất thấp, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Công ty. Công ty luôn chú trọng công tác theo dõi diễn biến tình hình mưa bão trong khu vực hoạt động, thực hiện đầy đủ công tác phòng cháy chữa cháy, để giảm đến mức thấp nhất thiệt hại khi có rủi ro xảy ra.

## II TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1 Hội đồng quản trị

| STT | Họ tên             | Chức vụ         |
|-----|--------------------|-----------------|
| 1   | Phạm Thị Hồng Hạnh | Chủ tịch HĐQT   |
| 2   | Nguyễn Xuân Hải    | Thành viên HĐQT |
| 3   | Nguyễn Văn Đồi     | Thành viên HĐQT |
| 4   | Phạm Hồng Minh     | Thành viên HĐQT |
| 5   | Trần Nguyên Trung  | Thành viên HĐQT |

- Sơ yếu lý lịch của Hội đồng Quản trị

| <b>BÀ PHẠM THỊ HỒNG HẠNH – CHỦ TỊCH HĐQT</b> |   |
|--|---|
| Ngày sinh                                    | 24/11/1960  |
| Quốc tịch                                    | Việt Nam  |
| Trình độ chuyên môn                          | Đại học Bách Khoa   |
| Chức vụ hiện nay                             | Chủ Tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần bia Sài Gòn – Bạc Liêu |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác            | Chủ Tịch HĐQT Công ty Cổ phần bia Sài Gòn Vĩnh Long               |

|                            |  |
|----------------------------|--|
| Số cổ phần cá nhân sở hữu  | 607.464 CP; Chiếm tỷ lệ 5,06%  |
| Số cổ phần đại diện sở hữu | Không  |
| Quá trình công tác         |  |
| 1983 – 5/2012              | Cán bộ – Phó tổng giám đốc Tổng công ty CP Bia rượu – NGK Sài Gòn (SABECO) |
| 5/2012 – 12/2015           | Tổng Giám đốc Tổng công ty CP Bia rượu – NGK Sài Gòn (SABECO)              |
| 2006 – Nay                 | Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu                       |
| 2007 – Nay                 | Chủ Tịch HĐQT Công ty Cổ phần bia Sài Gòn – Vĩnh Long                      |

#### **ÔNG NGUYỄN XUÂN HẢI – THÀNH VIÊN HĐQT**

|                                   |  |
|-----------------------------------|--|
| Ngày sinh                         | 01/08/1958   |
| Quốc tịch                         | Việt Nam   |
| Trình độ chuyên môn               | Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh                            |
| Chức vụ hiện nay                  | Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Thành viên HĐQT CT CP Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh.         |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu         | 205.920 CP; Chiếm tỷ lệ 1,71%                          |
| Số cổ phần đại diện sở hữu        | Không  |
| Quá trình công tác                |  |
| 1975 – 2002                       | Bộ đội   |
| 2002 – 2006                       | Giám đốc Công ty CP TM và Kinh doanh Nhà H&F           |
| 2006– 2019                        | Tổng Giám đốc CT CP Bia Sài Gòn Bình Tây               |

-

#### **ÔNG NGUYỄN VĂN ĐÔI – THÀNH VIÊN HĐQT**

|                     |                 |
|---------------------|-----------------|
| Ngày sinh           | 14/5/1960       |
| Quốc tịch           | Việt Nam        |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ kinh tế |

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| Chức vụ hiện nay                  | Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu  |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Thành Viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây<br>Thành Viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn Vĩnh Long<br>Thành Viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP Địa ốc và Xây dựng SSG2 |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu         | 181.896 CP; Chiếm tỷ lệ 1,51%   |
| Số cổ phần đại diện sở hữu        | Không   |
| <i>Quá trình công tác</i>         |   |
| 1985 – 1988                       | Kế Toán Trạm thực phẩm Minh Hải – Công ty thực phẩm II  |
| 1989 – 1993                       | Quản đốc Trạm thực phẩm Minh Hải – Công ty thực phẩm II   |
| 1994 – 1998                       | Chuyên Viên Công ty thực phẩm Tây Nam Bộ – Bộ Thương Mại  |
| 1999 – 2006                       | Giám đốc Trung tâm kinh doanh Rượu Bia NGK – Công ty Thực phẩm và Dịch vụ tổng hợp – Bộ Thương Mại  |
| 2006 đến nay                      | Thành viên HĐQT – Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Tây   |
| 2007 – 8/2017                     | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu  |
| Từ 08/2017 đến nay                | Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu  |
| Từ 07/2009 đến nay                | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Địa ốc và xây dựng SSG2  |
| Từ 2012 đến nay                   | Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn – Vĩnh Long  |

### **ÔNG PHẠM HỒNG MINH – THÀNH VIÊN HĐQT**

|                     |                   |
|---------------------|-------------------|
| Ngày sinh           | 08/02/1959        |
| Quốc tịch           | Việt Nam          |
| Trình độ chuyên môn | Đại học Bách Khoa |

|                                   |  |
|-----------------------------------|--|
| Chức vụ hiện nay                  | Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu   |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Phó tổng Giám đốc Công ty CP ĐT SX Năng lượng xanh       |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu         | 308.880 CP; Chiếm tỷ lệ 2,57%                            |
| Số cổ phần đại diện sở hữu        | Không  |
| Quá trình công tác                |  |
| 1981 – 1984                       | Cán bộ viện nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật bảo hộ lao động |
| 1984 – 1998                       | Phó phòng Công ty CP Xuất nhập khẩu TP.HCM               |
| 1998 – 2000                       | Trưởng phòng Công ty CP đầu tư TM DIC                    |
| 2000 – 2004                       | Giám đốc Công ty TNHH TM Ngọc Hồng                       |
| 2004 – 2010                       | Giám đốc Công ty CP ĐT TM Thịnh Hưng                     |
| 2010 – nay                        | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP ĐT SX Năng Lượng Xanh       |

#### **ÔNG TRẦN NGUYỄN TRUNG – THÀNH VIÊN HĐQT**

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| Ngày sinh                         | 06/05/1967  |
| Quốc tịch                         | Việt Nam  |
| Trình độ chuyên môn               | Cử nhân Kinh tế   |
| Chức vụ hiện nay                  | Thành Viên HĐQT Công ty Cổ phần bia Sài Gòn – Bạc Liêu  |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Kế toán trưởng Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn<br>Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi<br>Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu<br>Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu         |   |
| Số cổ phần đại diện sở hữu        | 2.402.400 CP – Chiếm tỷ lệ 20%  |
| Quá trình công tác                |   |
|                                   | Phó Trưởng ban kế toán thống kê, TCT CP Bia Rượu NGK Sài Gòn.   |

|  |   |
|--|---|
|  | Trưởng Ban Kiểm soát, CT CP Thương Mại Bia Sài Gòn Trung Tâm. |
|  | Trưởng ban kiểm soát CT CP Bia Sài Gòn Kiên Giang             |
|  | Trưởng ban kiểm soát CT CP Bia Sài Gòn Quảng Ngãi             |
|  | Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn-Sóc Trăng         |
|  | Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Tây             |
|  | Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi           |
|  | Kế toán trưởng CT TNHH MTV Bia Sài Gòn                        |
|  | Kế toán trưởng CT TNHH MTV Tập đoàn Bia Sài Gòn               |
|  | Thành viên BKS CT CP Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm         |

## 2 Ban Giám đốc

| STT | Họ tên          | Chức vụ        |
|-----|-----------------|----------------|
| 1   | Trịnh Công Vinh | Giám đốc       |
| 2   | Trần Văn Sang   | Phó Giám Đốc   |
| 3   | Huỳnh Vạn Đồng  | Phó Giám Đốc   |
| 4   | Trần Thị Chất   | Kế Toán Trưởng |

- Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

| <b>Ông Trịnh Công Vinh – Giám Đốc</b> |                  |
|---------------------------------------|------------------|
| Ngày sinh                             | 28/11/1966       |
| Quốc tịch                             | Việt Nam         |
| Trình độ chuyên môn                   | Cử nhân Kinh tế  |
| Chức vụ hiện nay                      | Giám đốc công ty |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu             | Không            |
| Số cổ phần đại diện sở hữu            | Không            |
| Số cổ phần của người có liên quan     | Không            |



|                           |   |
|---------------------------|---|
| <i>Quá trình công tác</i> |   |
| 1983–1992                 | Chánh văn phòng Ban tuyên giáo Huyện Ủy Long Phú, Tỉnh Sóc Trăng                |
| 1993–1998                 | Phó phòng Kế hoạch XNK Công ty Thương mại Khánh Hưng Tỉnh Sóc Trăng             |
| 1999– 7/2008              | Phụ trách cung ứng vật tư Nhà máy Bia Sài Gòn Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng         |
| 8/2008 – 1/2010           | Phó phòng/Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu |
| 2/2010 – 2017             | Phó Giám đốc Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu                             |
| 2018 – nay                | Giám đốc Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu                                 |

### **ÔNG TRẦN VĂN SANG – Phó Giám Đốc**

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| Ngày sinh                         | 22/07/1981  |
| Quốc tịch                         | Việt Nam  |
| Trình độ chuyên môn               | Kỹ sư Công nghệ thực phẩm, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Brewmaster – VLB Berlin |
| Chức vụ hiện nay                  | Phó Giám đốc Công ty  |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác |   |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu         | Không   |
| Số cổ phần đại diện sở hữu        | Không   |
| Số cổ phần của người có liên quan | Không   |
| <i>Quá trình công tác</i>         |   |
| 7/2007 – 2008                     | Cán bộ quản lý dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Bạc Liêu                             |
| 2008 – 3/2010                     | Tổ trưởng tổ Nấu – Lên men Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu               |
| 3/2010 – 11/2010                  | Phó phòng HC – TH Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu                        |
| 11/2010 – 7/2011                  | Quyền trưởng phòng HC – TH Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu               |

|                  |   |
|------------------|---|
| 7/2011 – 9/2011  | Trưởng phòng HC – TH Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu |
| 9/2011 – 11/2014 | Quản đốc xưởng SX Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu    |
| 11/2014 đến nay  | Phó Giám đốc Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu         |

### **ÔNG Huỳnh Vạn Đồng – Phó Giám Đốc**

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| Ngày sinh                         | 27/02/1983  |
| Dân tộc                           | Kinh  |
| Trình độ chuyên môn               | Kỹ sư Cơ Khí  |
| Chức vụ hiện nay                  | Phó Giám đốc Công ty  |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Không   |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu         |   |
| Số cổ phần đại diện sở hữu        |   |
| Số cổ phần của người có liên quan |   |
| <i>Quá trình công tác</i>         |   |
| 07/2007 – 07/2008                 | Nhân viên Dự án Nhà máy Bia Sài Gòn Bạc Liêu                        |
| 08/2008 – 06/2009                 | Tổ phó Tổ Động lực – Cơ Điện Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu |
| 07/2009 – 10/2010                 | Tổ Trưởng Tổ Động lực – Cơ Điện                                     |
| 11/2010 – 06/2011                 | Phó phòng Kỹ thuật  |
| 07/2011 – 12/2017                 | Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu        |
| 01/2018 đến nay                   | Phó Giám đốc Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu                 |

### **Bà Trần Thị Chất – Kế toán trưởng**

|                     |  |
|---------------------|--|
| Ngày sinh           | 03/02/1981                                     |
| Quốc tịch           | Việt Nam                                       |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán Kiểm toán |

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| Chức vụ hiện nay                  | Kế toán trưởng  |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Không   |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu         | Không   |
| Số cổ phần đại diện sở hữu        | Không   |
| Số cổ phần của người có liên quan | Không   |
| <i>Quá trình công tác</i>         |   |
| 7/2004 – 10/2005                  | Kế toán tổng hợp Công ty TNHH CNTP Liên Tiến                          |
| 11/2005 – 3/2006                  | Kế toán tổng hợp Công ty CP Hải Sản Bình Đông                         |
| 4/2006 – 6/2008                   | Kế toán trưởng Công ty CP Hải Sản Bình Đông                           |
| 9/2008 – 4/2009                   | Phó phòng Tài Chính Kế Toán Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu    |
| 5/2009–9/2016                     | Trưởng phòng Tài Chính Kế Toán Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu |
| 10/2016 – Nay                     | Kế toán trưởng Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu                 |

### 3 Ban Kiểm soát

| STT | Họ tên              | Chức vụ    |
|-----|---------------------|------------|
| 1   | Nguyễn Tấn Phiên    | Trưởng BKS |
| 2   | Trần Thị Ngọc Diệp  | Thành viên |
| 3   | Dương Thị Thúy Hồng | Thành viên |

- Sơ yếu lý lịch Ban Kiểm soát

| <b>ÔNG NGUYỄN TẤN PHIÊN – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT</b> |  |
|--|--|
| Ngày sinh  | 21/05/1987                             |
| Trình độ chuyên môn                                | Cử nhân kinh tế                        |
| Nơi công tác hiện nay                              | Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu |
| Chức vụ hiện nay                                   | Trưởng Ban Kiểm Soát                   |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu                          | Không                                  |
| Số cổ phần đại diện sở hữu                         | Không                                  |

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| Số cổ phần của người có liên quan | Không   |
| Quá trình công tác                |   |
| 20/04/2017 đến nay                | Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu |

**- BÀ TRẦN THỊ NGỌC DIỆP – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| Ngày sinh                         | 12/10/1974  |
| Quốc tịch                         | Việt Nam  |
| Trình độ chuyên môn               | Cử nhân luật, cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán  |
| Chức vụ hiện nay                  | Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu                           |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Phó Giám đốc phụ trách Tài Chính kiêm Trưởng phòng kế toán Công ty TNHH XD & TM Sài Gòn 9 |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu         | Không   |
| Số cổ phần đại diện sở hữu        | Không   |
| Số cổ phần của người có liên quan | Không   |
| Quá trình công tác                |   |
| 5/1996 – 6/1999                   | Kế toán viên Công ty TNHH XD & TM Sài Gòn 9   |
| 7/1999 – 3/2005                   | Kế toán viên Trung tâm Kinh doanh rượu bia NGK  |
| 4/2005 – 5/2006                   | Kế toán viên Công ty TNHH XD & TM Sài Gòn 9   |
| 6/2006 – 9/2006                   | Trưởng phòng kế toán Công ty TNHH XD & TM Sài Gòn 9                                       |
| 10/2006 – Nay                     | Phó Giám đốc phụ trách Tài chính kiêm trưởng phòng Kế toán Công ty TNHH XD & TM Sài Gòn 9 |

**BÀ DƯƠNG THỊ THÚY HỒNG – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

|                     |                 |
|---------------------|-----------------|
| Ngày sinh           | 08/11/1980      |
| Quốc tịch           | Việt Nam        |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế |

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| Chức vụ hiện nay                  | Thành viên Ban Kiểm soát                                    |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Phó phòng Kế Toán Tài chính Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây |
| Số cổ phần cá nhân sở hữu         |   |
| Số cổ phần đại diện sở hữu        |   |
| Số cổ phần của người có liên quan |   |
| Quá trình công tác                |   |
| 9/2004 – 5/2005                   | Kế toán Công ty TVTK XD Giao Thông CMC Cần Thơ              |
| 6/2005 – 5/2010                   | Kế Toán Tổng hợp Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây            |
| 7/2010 – 3/2013                   | Kế toán trưởng Công ty TNHH Thanh Khôi                      |
| 5/2013 – 2/2016                   | Kế Toán Tổng hợp Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây            |
| 2016 – Nay                        | Phó phòng Kế toán Tài chính Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây |

#### 4 Những thay đổi trong Ban Điều hành:

Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu không có sự thay đổi thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát.

#### 5 Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động

*Tình hình nhân sự của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu tính đến ngày 31/12/2020:*

##### 5.1 Về cơ cấu tổ chức, nhân sự, tiền lương:

- Nhân sự của Công ty trong năm 2020 là 112 người.
- Quy chế tiền lương, thưởng, năng suất lao động cho nhân viên đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, tiền lương, thưởng cho nhân viên được thực hiện theo đúng Quy chế.

##### ➤ Tình hình nhân sự của Công ty tính từ ngày 01/01/2020 – 31/12/2020:

| STT      | Tính chất phân loại  | Số lượng | Tỷ lệ          |
|----------|----------------------|----------|----------------|
| <b>A</b> | <b>Theo trình độ</b> |          | <b>100,00%</b> |
| 1        | Trên đại học         | 2        | 1,79%          |
| 2        | Đại học, cao đẳng    | 68       | 60,71%         |
| 3        | Trung cấp            | 18       | 16,07%         |

| STT      | Tính chất phân loại                     | Số lượng  | Tỷ lệ          |
|----------|---|-----------|----------------|
| 4        | Công nhân kỹ thuật                      | 24        | 21,43%         |
| <b>B</b> | <b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b> |           | <b>100,00%</b> |
| 1        | Hợp đồng không thời hạn                 | <b>96</b> | 85,71%         |
| 2        | Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)           | 0         | 0%             |
| 3        | Hợp đồng xác định từ 1 – 3 năm          | 16        | 14,29%         |

| STT | Năm  | Mức lương bình quân(đồng/người/tháng) |
|-----|------|---------------------------------------|
| 1   | 2018 | 9.500.000                             |
| 2   | 2019 | 9.500.000                             |
| 3   | 2020 | 8.500.000                             |

## 5.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, chế độ phúc lợi:

### 5.2.1 Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày, trong vòng 06 ngày trong tuần, thời gian làm việc của các xưởng sản xuất trực tiếp được chia làm 03 ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ, và được hưởng chế độ đãi ngộ thỏa đáng theo quy định của Bộ luật Lao động.
- Nghỉ phép, Tết, lễ: Người lao động được nghỉ lễ và nghỉ Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Ngoài ra, với người lao động đã gắn bó trên 05 năm với Công ty, cứ 05 năm làm việc, được cộng thêm 01 ngày nghỉ phép.
- Nghỉ ốm, thai sản: Người lao động khi ốm đau được khám bệnh và điều trị tại các cơ sở y tế theo chế độ bảo hiểm xã hội và được hưởng trợ cấp ốm đau theo quy định của Bảo hiểm xã hội.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang thoáng mát, đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động; các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

### 5.2.2 Chính sách đào tạo

Hằng năm Công ty tổ chức các khoá đào tạo về an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm, an toàn thiết bị áp lực, an toàn hoá chất, an toàn điện... cũng như các lớp diễn tập sơ cấp cứu, phòng cháy chữa cháy, ứng phó tình huống khẩn cấp... nhằm tăng cường, bồi dưỡng các kiến thức về an toàn lao động, an toàn sản xuất cho toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty;

Theo thống kê năm 2020, thời gian đào tạo đối với các hạng mục An toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, Phòng cháy chữa cháy,... là 24 giờ/người đối với lao động thuộc nhóm trực tiếp sản xuất và khoảng 16 giờ/người/năm đối với nhóm lao động quản lý, nhóm lao động gián tiếp.

### 5.2.3 Các chương trình phát triển kỹ năng học tập:

Không.

### 5.2.4 Về chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

#### ➤ Chế độ lương, thưởng:

Năm 2020 dù hoạt động sản xuất kinh doanh không được thuận lợi nhưng Công ty vẫn duy trì mức thu nhập cho người lao động và thưởng 01 tháng lương cho cán bộ công nhân viên.

#### ➤ Chính sách phúc lợi:

- Tất cả người lao động vào làm việc tại Công ty đều được ký Hợp đồng lao động và đóng đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Hàng năm tất cả người lao động đều được khám sức khỏe định kỳ, được huấn luyện khoá an toàn vệ sinh thực phẩm, khoá an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, huấn luyện mới về kiến thức chuyên môn, kiến thức quản lý điều hành (đối với cán bộ quản lý cấp trung), được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động nơi làm việc.
- Các chế độ phúc lợi khác cho người lao động làm việc tại Công ty như: hỗ trợ tiền xăng xe, điện thoại, phụ cấp suất ăn giữa ca, bồi dưỡng sức khỏe bằng hiện vật, chế độ làm thêm giờ; chế độ tiền thưởng ngày lễ tết, chế độ khen thưởng sáng kiến, tổ chức sinh nhật cho Cán bộ – Nhân viên; tặng quà cho nữ lao động nhân ngày 08/03, 20/10; tặng quà tết trung thu cho người lao động; tặng quà cho con Cán bộ – Nhân viên trong ngày tết trung thu, quốc tế thiếu nhi; Các chế độ hiếu hỷ, ma chay, thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ các gia đình khó khăn,... luôn được Công ty quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời và được ban hành bằng quy chế Công ty.

### III Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Cụ thể trong năm 2020 công ty cổ phần bia Sài Gòn – Bạc Liêu đã đạt được những chỉ tiêu sau đây:

| T | Chỉ tiêu           | ĐVT  | TH 2019         | KH 2020         | TH 2020         | %TH/KH 2020 | %TH 2020/2019 |
|---|--------------------|------|-----------------|-----------------|-----------------|-------------|---------------|
| 1 | Sản lượng sản xuất | Lít  | 44.350.866      | 31.597.500      | 32.085.714      | 101,55      | 72,35         |
| 2 | Sản lượng tiêu thụ | Lít  | 44.566.165      | 31.597.500      | 32.262.411      | 102,10      | 72,39         |
| 3 | Tổng doanh thu     | đồng | 266.749.912.482 | 189.367.072.732 | 195.928.301.417 | 103,46      | 73,45         |
| 4 | Tổng chi Phí       | đồng | 244.948.022.942 | 194.450.489.083 | 192.855.000.913 | 99,18       | 78,73         |
| 5 | Lợi nhuận          | đồng | 21.801.889.540  | (5.083.416.351) | 3.073.300.504   |             | 14,10         |

| T | Chỉ tiêu   | ĐVT | TH 2019 | KH 2020 | TH 2020 | %TH/KH 2020 | %TH 2020/2019 |
|---|------------|-----|---------|---------|---------|-------------|---------------|
|   | trước thuế |     |         |         |         |             |               |
| 6 | LNTT/VĐL   | %   | 18,15   |         | 2,56    |             | 14,10         |

## 1 Tình hình tài chính

### 1.1 Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu                                      | Thực hiện 2019  | Thực hiện 2020  | % tăng giảm |
|---|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng tài sản                                  | 355.887.265.323 | 306.015.093.336 | -14,01      |
| Doanh thu thuần                               | 266.490.748.789 | 195.693.858.220 | -26,57      |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 46.471.866.973  | 22.287.684.641  | -52,04      |
| Lợi nhuận khác                                | (1.087.506.612) | 67.579.325      | 106,21      |
| Lợi nhuận trước thuế                          | 21.801.889.540  | 3.073.300.504   | -85,90      |
| Lợi nhuận sau thuế                            | 18.224.159.267  | 2.574.689.051   | -85,87      |
| Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu                    | 1.441           | 214             | -85,15      |

### 1.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu                           | ĐVT  | Năm 2019 | Năm 2020 |
|--|------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> |      |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn              | Lần  | 0,52     | 0,51     |
| Hệ số thanh toán nhanh                 | Lần  | 0,19     | 0,10     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>          |      |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                  | %    | 44,27    | 38,27    |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                | %    | 79,43    | 61,99    |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>  |      |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho                 | Vòng | 6,48     | 5,41     |
| Vòng quay tổng tài sản                 | Vòng | 0,74     | 0,59     |



| Các chỉ tiêu                                      | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2020 |
|---|-----|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>              |     |          |          |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần          | %   | 6,84     | 1,32     |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | %   | 9,15     | 1,33     |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân   | %   | 5,04     | 0,78     |
| Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần           | %   | 8,59     | 1,54     |

### 1.2.1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán năm 2020 ổn định và tương đương năm 2019, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

### 1.2.2 Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn:

Hệ số Nợ/Tổng tài sản của Công ty giảm từ 44,27% còn 38,27%, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty giảm từ 79,43% còn 61,99%, do nợ phải trả giảm đáng kể so với năm 2019 (giảm 26%), chủ yếu vì Công ty đã thanh toán bớt khoản nợ dài hạn đã vay từ năm 2018 để đầu tư tài sản dài hạn, phục vụ sản xuất kinh doanh và giảm tối đa các hạng mục đầu tư, nâng cấp.

### 1.2.3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty giảm so với năm 2019, cụ thể vòng quay hàng tồn kho giảm từ 6,48 còn 5,41, vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,74 còn 0,59. Nguyên nhân là do sản lượng tiêu thụ năm 2020 giảm, kéo theo doanh thu thuần và giá vốn hàng bán giảm so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Công ty đã cân đối lượng hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu sản xuất, để tránh dư thừa, nâng cao hiệu quả sử dụng hàng tồn kho cũng như tài sản, giúp tối ưu hóa các chỉ tiêu về năng lực hoạt động.

### 1.2.4 Khả năng sinh lời:

Trong năm 2020, lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm sâu so với năm 2019, kéo theo sự sụt giảm của các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty. Do sản lượng sản xuất, giao hàng năm 2020 rất thấp chỉ bằng ½ công suất của nhà máy. Nguyên nhân, do tình hình dịch bệnh COVID-19 bùng phát và diễn biến phức tạp cùng với việc Chính phủ ban hành Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 cấm uống Bia rượu khi tham gia giao thông. Công ty chịu sự cạnh tranh quyết liệt của bia đối thủ, người tiêu dùng dịch chuyển sang sử dụng bia lon cho thuận tiện ngày càng cao.

## 2 Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 2.1 Cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 12.012.000 cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phần

### 2.1.1 Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 28/05/2020

| Loại cổ đông       | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|--------------------|------------------|-------------------|------------------|
| Cổ đông trong nước | 197              | 11.980.700        | 99,74            |
| Cổ đông nước ngoài | 8                | 31.300            | 0,26             |
| Cổ đông lớn        | 3                | 3.844.896         | 32,01            |
| Cổ đông nhỏ        | 202              | 8.167.104         | 67,99            |
| Cổ đông tổ chức    | 4                | 2.916.700         | 24,28            |
| Cổ đông cá nhân    | 201              | 9.095.300         | 75,72            |
| Cổ đông Nhà nước   | 0                | 0                 | 0,00             |
| Cổ đông khác       | 205              | 12.012.000        | 100,00           |
| Tổng cộng          | 205              | 12.012.000        | 100,00           |

### Danh sách cổ đông lớn 31/12/2020: (chốt tại ngày 28/05/2020)

| STT              | Tên cổ đông                            | Số ĐKKD/CMN D/CCCD | Địa chỉ  | Số lượng cổ phần nắm giữ (Cổ phần) | Tỷ lệ (%)    |
|------------------|--|--------------------|--|------------------------------------|--------------|
| 1                | Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây | 1800586579         | Khu Công nghiệp Trà Nóc, P Trà Nóc, Q Bình Thủy, Tp. Cần Thơ               | 2.402.400                          | 20,00        |
| 2                | Phạm Thị Hồng Hạnh                     | 024263293          | 157/2 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Hồ Chí Minh                     | 607.464                            | 5,06         |
| 3                | Nguyễn Thị Phương Khanh                | 079165007809       | 28–29 lô A4, Saigon Pear Nguyễn Hữu Cảnh, Quận Bình Thạnh, T.p Hồ Chí Minh | 835.032                            | 6,95         |
| <b>Tổng cộng</b> |  |                    |  | <b>3.844.896</b>                   | <b>32.01</b> |

### 2.2 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2020, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu.

### 2.3 Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

### 2.4 Các chứng khoán khác

Không có

## IV BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1 Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh:

➤ **Thuận lợi:**

- Năm 2020, Công ty cổ phần bia Sài Gòn Bạc Liêu tiếp tục nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Tổng Công ty và các Công ty bạn khu vực Miền Tây; sự ủng hộ của chính quyền địa phương tỉnh Bạc Liêu, Cà mau trong việc vận động tiêu thụ sản phẩm bia Sài Gòn.

➤ **Khó Khăn:**

- Năm 2020 tình hình tiêu thụ bia gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp từ đầu năm, chính quyền triển khai cách ly xã hội từ ngày 01/04 đến 15/04/2020 và chịu ảnh hưởng của Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ ban hành Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt trong đó quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với người tham gia giao thông có nồng độ cồn;

- Bia đối thủ tiếp tục tăng cường nguồn lực, chương trình khuyến mãi để giành thị trường tiêu thụ;

- Tổng công ty điều chỉnh kế hoạch SXGH cho Nhà máy 03 lần: đầu tiên 50 triệu lít; lần 2 là 46,3 triệu và cuối cùng 31,5 triệu lít;

- Trong năm có 04 tháng sản xuất dưới 02 triệu lít bia/tháng: tháng 3: 1,307 triệu lít; tháng 4: 0,817 triệu lít; tháng 5: 1,464 triệu lít; tháng 10: 1,85 triệu lít nên thời gian sản xuất chỉ từ 10 đến 15 ngày/tháng làm tăng định mức điện, hơi, hóa chất CIP, tăng chi phí mua men giống, chi phí mua CO2 bổ sung.

#### 1.2 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu so với kế hoạch:

| STT | KHOẢN MỤC              | ĐVT  | KẾ HOẠCH NĂM 2020 | THỰC HIỆN NĂM 2020 | TĂNG/(GIẢM) SO VỚI KH |       |
|-----|------------------------|------|-------------------|--------------------|-----------------------|-------|
|     |                        |      |                   |                    | Giá trị               | Tỷ lệ |
| 1   | Sản lượng sản xuất     | Lít  | 31.597.500        | 32.085.714         | 488.214               | 1,55  |
| 2   | Sản lượng tiêu thụ     | Lít  | 31.597.500        | 32.262.411         | 664.912               | 2,10  |
| 3   | Tổng doanh thu         | Đồng | 189.367.072.732   | 195.928.301.417    | 6.561.228.685         | 3,46  |
| 4   | Tổng chi phí           | Đồng | 194.450.489.083   | 192.855.000.913    | (1.595.488.170)       | -0,82 |
| 5   | Lợi nhuận (trước thuế) | Đồng | (5.083.416.351)   | 3.073.300.504      | 8.156.716.855         |       |
| 6   | Lợi nhuận (sau thuế)   | Đồng | (5.083.416.351)   | 2.574.689.051      | 7.658.105.402         |       |

#### 1.2.1 Đánh giá về chất lượng sản phẩm:

#### 1.2.2 Đánh giá về công tác sản xuất và quản trị nội bộ:

➤ **Về công tác sản xuất:** Do tình hình sản xuất bị gián đoạn thường xuyên nên Ban điều hành đã chủ động sắp xếp kế hoạch sản xuất link giữa 02 tuần lộc, chiết 01 lần theo kế

hoạch của Ban Kế hoạch tổng hợp Tổng Công ty để tiết kiệm năng lượng và giảm hao phí; thời gian không sản xuất bố trí lao động làm vệ sinh, bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, vệ sinh nhà xưởng; bố trí đào tạo kiến thức, quy trình sản xuất; sau đó sắp xếp nghỉ tuần, nghỉ phép năm, nghỉ việc riêng không hưởng lương, nghỉ chờ việc. Công tác mua vật tư, NVL, hóa chất đảm bảo cung cấp đầy đủ phục vụ sản xuất và sát với Kế hoạch sản xuất hàng tuần, không để tồn kho lớn ảnh hưởng đến dòng tiền.

➤ **Về năng lượng:**

- Triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, định mức kinh tế kỹ thuật, cụ thể:

| Stt | Nội dung   | Ghi rõ hiệu quả  |
|-----|--|--|
| 1   | Thu hồi dịch (weak wort) cấp máy nghiền malt ướt, pha bột gạo, cấp cho nồi lọc                             | Thể tích nước nha sau khi thu hồi dịch weak wort tăng 1,026 hl/mẻ, tương đương 5,13 hl/tank. Định mức malt giảm tương ứng 0,87 kg/1000 lít nước nha.                             |
| 2   | Thử nghiệm enzyme Amylex 4T thay cho SCDS và Termamyl SC   | Sử dụng enzyme Amylex 4T giảm chi phí 95.340 đồng/tank so với sử dụng enzyme SCDS và termamyl SC, tiết kiệm 2.487.000 đồng ứng với sản lượng 3 triệu lít/tháng.                  |
| 3   | Nấu dịch nha 14 °Plato cho bia 75% malt  | Định mức điện giảm 0.35 kWh/1000 lít nước nha tiết kiệm 1.741.950 đồng, định mức hơi giảm 11 kg/1000 lít nước nha, tiết kiệm 20.460.000 đồng ứng với sản lượng 3 triệu lít/tháng |
| 4   | Sử dụng enzyme termamyl SCDS tại nồi gạo   | Định mức điện giảm 3 kWh/1000 lít nước nha, tiết kiệm 14.931.000 đồng, định mức hơi giảm 18 kg/1000 lít nước nha, tiết kiệm 32.709.309 đồng ứng với sản lượng 3 triệu lít/tháng  |
| 5   | Chuyển đổi hóa chất phủ bóng từ Asc wax super sang Opticoat, tinh chỉnh lại máy soi                        | Giảm chai loại/1000 lít bia đối với chai 355 và 330 tiết kiệm 125.613.000 đồng ứng với sản lượng 3 triệu lít/tháng   |
| 6   | Giảm định mức hóa chất phủ bóng chai (điều chỉnh nhãn quay 1 chiều, giảm béc phủ bóng ở những vị trí nhãn) | Giảm chi phí 26.775.000 đồng ứng với sản lượng 3 triệu lít/tháng   |
| 7   | Giảm khối lượng ALDC sử dụng cho tank lên men từ 70g/tấn NL xuống 50 g/tấn NL (áp dụng từ tháng 12/2020)   | Giảm chi phí 19.404.000 đồng ứng với sản lượng 3 triệu lít/tháng   |

- **Về công tác ISO:** Hiện tại Công ty đang áp dụng 5 hệ thống ISO gồm: ISO 9001; 22000; 14001; 17025 và 50001. Trong năm 2020 đã Đánh giá tái chứng nhận hệ thống ISO 14001:2015; Đánh giá giám sát lần 1 hệ thống ISO 17025:2017 và ISO 50001:2018; Đánh giá giám sát lần 2 hệ thống ISO 22000:2005 và ISO 9001:2015.

- **Về môi trường:** Công ty đã lắp đặt bổ sung thiết bị đo Ammonia trạm quan trắc nước thải tự động liên tục theo quy định của Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

Ngày 14/09/2020, Công ty tiếp đoàn Thanh tra của Tổng cục môi trường về công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Kết luận Thanh tra Công ty thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường và không có nội dung vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

- **Về công tác đào tạo:**

Tổ chức đầy đủ các khoá đào tạo về an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm, an toàn thiết bị áp lực, an toàn hoá chất, an toàn điện, diễn tập huấn luyện sơ cấp cứu, phòng cháy chữa cháy, ứng phó tình huống khẩn cấp...theo quy định. Về chuyên môn: tổ chức 02 khóa đào tạo cập nhật các quy định mới về báo cáo quyết toán thuế, sử dụng hóa đơn điện tử .

- **Về công tác giao hàng – marketing:**

- Theo dõi bám sát Kế hoạch bán hàng, Kết nối thường xuyên với các Giám đốc chi nhánh Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng và Công ty TM Sông Hậu, vận tải để hỗ trợ, tác nghiệp công tác giao nhận hàng hóa. Nhà máy hỗ trợ giao hàng ngày chủ nhật cho các chi nhánh nhận hàng nhằm đảm bảo sản lượng tiêu thụ trong tháng.

- Công ty kết hợp Ủy ban MTTQ tỉnh, Công ty cổ phần thương mại bia Sài Gòn Sông Hậu, Ban Chỉ đạo cuộc vận động “ Người Việt nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” tổ chức hội nghị sơ kết 06 tháng đầu năm cuộc vận động “ Người Việt nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” tại Nhà máy bia Sài Gòn – Bạc Liêu với sự tham gia của 200 đại biểu đại diện UBND, UBMTTQ, các Ban ngành tỉnh; UBND, UBMTTQ các huyện, thị xã, thành phố và chủ tịch các xã, phường, thị trấn đến tham dự hội nghị.

## 2 Tình hình tài chính

### 2.1 Tình hình tài sản

| Chỉ tiêu                              | ĐVT  | Năm 2019        | Năm 2020        | %tăng/giảm |
|---------------------------------------|------|-----------------|-----------------|------------|
| Tài sản ngắn hạn                      | Đồng | 51.471.447.922  | 39.166.416.251  | -23,91     |
| Tài sản dài hạn                       | Đồng | 304.415.817.401 | 266.848.677.085 | -12,34     |
| Tổng tài sản                          | Đồng | 355.887.265.323 | 306.015.093.336 | -14,01     |
| Vòng quay tài sản                     | Vòng | 0,74            | 0,59            | -19,70     |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | %    | 5,04            | 0,78            | -84,55     |

### 2.2 Tình hình nợ phải trả

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2020 | %tăng/giảm |
|----------|-----|----------|----------|------------|
|----------|-----|----------|----------|------------|

| Chỉ tiêu         | ĐVT  | Năm 2019        | Năm 2020        | %tăng/giảm |
|------------------|------|-----------------|-----------------|------------|
| Nợ ngắn hạn      | Đồng | 98.757.928.041  | 76.409.520.591  | -22,63     |
| Nợ dài hạn       | Đồng | 58.780.974.169  | 40.694.520.581  | -30,77     |
| Tổng nợ phải trả | Đồng | 157.538.902.210 | 117.104.041.172 | -25,67     |
| Vốn chủ sở hữu   | Đồng | 198.348.363.113 | 188.911.052.164 | -4,76      |
| Tổng nguồn vốn   | Đồng | 355.887.265.323 | 306.015.093.336 | -14,01     |

### 3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Giám đốc.

### 4 Kế hoạch phát triển trong tương lai:

#### 4.1 Về sản lượng sản xuất và giao hàng:

Kế hoạch sản xuất – giao hàng năm 2021 của Tổng Công ty giao cho nhà máy bia Sài Gòn – Bạc Liêu sản lượng 42 triệu lít bia chai các loại, lợi nhuận sau thuế ước đạt 5,6 tỷ đồng.

Năm 2021 tình hình kinh tế xã hội tiếp gặp rất nhiều khó khăn do dịch Covid còn kéo dài, nghị định 100 của Chính Phủ nên sức tiêu dùng giảm mạnh sẽ ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Do đó sản lượng dự kiến mà Tổng Công ty giao rất khó thực hiện, nên các chỉ tiêu tài chính năm 2021 không thể dự báo được.

#### 4.2 Một số giải pháp quản lý, điều hành công tác sản xuất năm 2021:

- Về công tác sản xuất:
- Tiếp tục bám sát kế hoạch giao hàng tháng, hàng tuần của Tổng Công ty để xây dựng Kế hoạch sản xuất phù hợp nhằm tiết kiệm năng lượng tránh khởi động dây chuyền nhiều lần;
- Xúc tiến công tác gia công bia xuất khẩu.
  - Về công tác kiểm soát chất lượng, định mức kinh tế kỹ thuật: Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm đảm bảo đúng qui định Tổng công ty. Chú trọng kiểm soát chất lượng sản phẩm trong các công đoạn sản xuất, duy trì điểm cảm quan ở mức bằng năm 2020 trở lên. Phát động phong trào thi đua đến tất cả người lao động trách nhiệm với công việc, dành thời gian nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tiết kiệm điện, nước, hơi, NVL và các sáng kiến, cải tiến khác mang lại hiệu quả cho hoạt động của Công ty.
  - Về đầu tư, sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng thiết bị, phụ tùng thay thế: Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng, thay thế phụ tùng đúng kế hoạch. Đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động ổn định, đạt công suất khi sản xuất các tháng cao điểm. Lập kế hoạch mua PTTT theo khuyến cáo của nhà sản xuất gắn với thực tế tình hình hoạt động TBMM của Nhà máy, liên kết các Nhà máy trong khu vực trao đổi dự phòng phụ tùng không để tồn kho nhiều. Trong công tác bảo trì chú trọng nâng

cao chất lượng và thời gian bảo trì hiệu quả nhất, nhanh nhất gắn kết hợp nâng cao tay nghề của nhân viên bảo trì.

- Về công tác nhân sự – đào tạo: Duy trì công tác đào tạo nội bộ nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề; đào tạo kỹ năng, trình độ ngoại ngữ để nâng cao hiệu quả, chất lượng, năng suất lao động. Xem xét bố trí, phân bổ lao động phù hợp trong các tháng sản xuất ít, kết hợp tổ chức đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên. Tổ chức đánh giá nhân sự quản lý định kỳ để có hướng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên viên cũng vừa phục vụ công tác bổ nhiệm, tái bổ nhiệm cán bộ quản lý.

## V ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1 Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty:

| STT | Chỉ tiêu             | ĐVT  | TH 2019         | KH 2020         | TH 2020         | %TH 2020/2019 | %TH 2020/KH 2020 |
|-----|----------------------|------|-----------------|-----------------|-----------------|---------------|------------------|
| 1   | Sản lượng sản xuất   | Lít  | 44.350.866      | 31.597.500      | 32.085.714      | 72,35         | 101,55           |
| 2   | Sản lượng tiêu thụ   | Lít  | 44.566.165      | 31.597.500      | 32.262.411      | 72,39         | 102,10           |
| 3   | Tổng doanh thu       | đồng | 266.749.912.482 | 189.367.072.732 | 195.928.301.417 | 73,45         | 103,46           |
| 4   | Tổng chi phí         | đồng | 244.948.022.942 | 194.450.489.083 | 192.855.000.913 | 78,73         | 99,18            |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế | đồng | 21.801.889.540  | (5.083.416.351) | 3.073.300.504   | 14,10         |                  |
| 6   | LNTT/VĐL             | %    | 18,15           |                 | 2,56            | 14,10         |                  |

### 2 Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo giám sát liên tục và đưa ra nhiều giải pháp tối ưu, tiết kiệm, phù hợp với điều kiện sản xuất và giao hàng thấp của Công ty. Ban điều hành cùng toàn thể người lao động Công ty cũng đã nỗ lực cố gắng cao trong thực hiện nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

- Chỉ đạo Ban điều hành bám sát kế hoạch sản xuất do Sabeco giao, tận dụng mọi nguồn lực để sản xuất kịp thời, đạt chất lượng và giao hàng đúng tiến độ:

- + Bám sát Sabeco tranh thủ sự ủng hộ giao hàng từng tuần tháng để đạt kế hoạch và bù bổ sung các tháng không đạt.
- + Chất lượng sản phẩm đạt và cao hơn năm 2019, định mức tiêu hao năng lượng giữ bằng hoặc giảm so cùng kỳ mặc dù sản lượng giảm sâu.

- + Ban Điều hành chú trọng công tác quản trị sản xuất, thực hiện nhiều giải pháp kỹ thuật để giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng,..., tiếp tục rà soát, cắt giảm các chi phí cố định.
- Chỉ đạo về tài chính: Thu hồi kịp thời vốn chài kết theo chủ trương thu mua lại chài kết Sabeco đối với các nhà máy sản xuất có chài kết thừa so nhu cầu sản lượng được giao là 1 tỷ đồng, đồng thời đề nghị Sabeco giảm chi phí thanh lý vỏ kết chài phân bổ cho Công ty.
  - + Ban điều hành kịp thời rà soát đề nghị thanh lý vật tư ứ đọng không có nhu cầu sử dụng đề nghị thanh lý theo chỉ đạo HĐQT .
  - + Chỉ đạo Ban điều hành bám sát biến động lãi suất, làm việc ngân hàng giảm lãi suất vay, linh hoạt điều chỉnh dòng tiền vay ngắn hạn và dài hạn.
  - + Sắp xếp điều chỉnh lại chi phí và rà soát giảm chi không hợp lý.
- Chỉ đạo Ban điều hành tiến hành thẩm tra BCTC hàng quý, BCTC bán niên 2020, giám sát quy trình tổ chức ĐHCĐ theo đúng Điều lệ Công ty, luật DN 2014. HĐQT, Ban điều hành đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ việc CBTT theo quy định của pháp luật, UBCKNN, sở GDCK đối với các Công ty đại chúng.

### 3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

#### 3.1 Tình hình chung về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Năm 2021 tình hình kinh tế xã hội tiếp gặp rất nhiều khó khăn do dịch Covid tuy đã giảm nhưng vẫn ảnh hưởng đến sức tiêu dùng, công ăn việc làm, thu nhập, đời sống của người lao động.

Về tài chính do tình hình sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc: vay vốn gặp khó khăn do các ràng buộc về các điều kiện tài chính của ngân hàng đối với Công ty để được hưởng lãi suất ưu đãi.

#### 3.2 Các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động 2021:

##### 3.2.1 Dự kiến Kế hoạch SXKD 2021:

| Chỉ tiêu           | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2020 | Kế hoạch Năm 2021 | % tăng trưởng TH 2020/TH 2019 | % tăng trưởng KH 2021/TH 2020 |
|--------------------|-------------|--------------------|-------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Sản lượng          | Triệu lít   | 32,2               | 42                | (28)                          | 30                            |
| Doanh thu thuần    | Triệu đồng  | 195,694            | 255,859           | (27)                          | 31                            |
| Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng  | 2,575              | 5,629             | (86)                          | 119                           |

##### 3.2.2 Dự kiến đầu tư:

| STT | Nội dung đầu tư, sửa chữa 2021 | Chi phí dự kiến (chưa VAT) |
|-----|--------------------------------|----------------------------|
| I   | THIẾT BỊ                       | 1.796.389.000              |
| II  | NHÀ XƯỞNG                      | 359.800.000                |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b>2.156.189.000</b>       |



### **3.2.3 Định hướng các nhiệm vụ quan trọng năm 2021:**

- Công ty rà soát cắt giảm chi phí không hợp lý, kiểm soát tốt định mức kinh tế kỹ thuật, sắp xếp bố trí sản xuất, nguồn lực tối ưu, tăng cường đào tạo nội bộ cho người lao động.
- Tiếp tục áp dụng thực hiện các giải pháp quản trị và tiết kiệm năng lượng hiệu quả. Kiểm soát nguyên vật liệu đầu vào, thực hành tiết kiệm cùng với phát huy việc cải tiến trong sản xuất. Đảm bảo chất lượng sản phẩm không để sai lỗi sản phẩm trên thị trường.
- Công ty cần làm việc với Ngân hàng và Sabeco để được hưởng lợi thế về lãi suất vay tốt nhất.
- Về sản xuất và tiêu thụ: tiếp tục phối hợp chặt chẽ các Ban nghiệp vụ của Sabeco và CTCP Thương mại khu vực, góp phần đẩy mạnh tiêu thụ với sản lượng giao hàng tốt hơn so với kế hoạch.
- Công ty kết hợp chặt chẽ cùng Sabeco, địa phương cùng tuyên truyền, ủng hộ, giới thiệu đến người tiêu dùng Bia Sài Gòn của người Việt Nam.
- Công ty cần tăng cường đoàn kết, chung sức cùng nhau vượt qua giai đoạn khó khăn để cùng SABECO phát triển bền vững.

## **VI BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:**

### **1 Mục tiêu phát triển bền vững:**

#### **1.1 Về hoạt động kinh doanh:**

- Không ngừng hoàn thiện, đổi mới, đảm bảo cung cấp đến người tiêu dùng sản phẩm thực sự chất lượng.
- Đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho toàn thể nhân viên Công ty và gia tăng quyền lợi của cổ đông.
- Tiếp tục duy trì, giữ vững sự minh bạch trong công tác công bố thông tin, tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị và nghĩa vụ của công ty đại chúng.
- Góp phần phát triển kinh tế, du lịch địa phương, qua đó làm tăng ngân sách Nhà nước, tạo thêm việc làm cho nhân dân địa phương.

#### **1.2 Về môi trường:**

Đi đôi với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng rất quan tâm đến công tác giữ gìn bảo vệ môi trường:

- Nhà máy hiện đang áp dụng Hệ thống Quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO(14001:2004);
- Nhà máy đầu tư hệ thống xử lý nước thải, khí thải, thu gom rác thải phù hợp với quy trình sản xuất công nghiệp hiện đại và thân thiện với môi trường.
- Thực hiện chương trình giám sát môi trường 03 tháng/lần, nộp phí bảo vệ môi trường hàng quý;
- Tổ chức thu gom, phân loại rác thải công nghiệp, rác thải nguy hại; rác thải sinh hoạt được thu gom vận chuyển xử lý hàng ngày;

- Công ty luôn luôn duy trì Nhà máy xanh–sạch–đẹp và thoáng mát với hệ thống cảnh quan cây xanh phủ kín, công trình Nhà máy đã góp phần tô điểm cảnh quan xanh đẹp trong khu công nghiệp nói riêng và Thành phố Bạc Liêu nói chung.

### **1.3 Về an toàn vệ sinh thực phẩm:**

Công ty duy trì hiệu lực và hiệu quả của các hệ thống ISO chất lượng 9001, An toàn vệ sinh thực phẩm – HACCP 22000; Môi trường 14001 và Năng lực Phòng Kiểm nghiệm theo ISO 17025, thường xuyên cập nhật, nâng cấp phiên bản mới nhất.

### **1.4 Về xã hội và cộng đồng:**

Hàng năm Công ty đều dành nguồn kinh phí để thực hiện công tác xã hội, từ thiện và cộng đồng như: Đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo, Quỹ nạn nhân chất độc da cam, Xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương,...

## **2 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, cộng đồng và xã hội**

### **2.1 Các biện pháp bảo vệ môi trường:**

- Công ty duy trì hoạt động Hệ thống Quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO(14001:2004);
- Vận hành thường xuyên và liên tục các hệ thống xử lý nước thải, khí thải đạt tiêu chuẩn xả thải ra môi trường;
- Thu gom, phân loại rác thải công nghiệp, rác thải nguy hại; rác thải sinh hoạt và thuê đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định của pháp luật.
- Trồng cây xanh để tạo cảnh quan môi trường và hạn chế ô nhiễm không khí.

### **2.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

- Kiểm soát khối lượng nguyên vật liệu mua đầu vào phù hợp với kế hoạch sản xuất của Công ty, đảm bảo lượng tồn kho vừa đủ dự phòng, hạn chế tồn kho quá lớn ảnh hưởng đến dòng tiền của Công ty.
- Thử nghiệm và đưa vào sử dụng các hóa chất, phụ gia, vi sinh mới, tiết kiệm chi phí, không ảnh hưởng đến môi trường.

### **2.3 Tiêu thụ năng lượng:**

- Áp dụng các giải pháp, công nghệ mới để tiết kiệm điện, hơi nóng và nước.
- Áp dụng hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001.

### **2.4 Chính sách liên quan đến người lao động:**

#### **2.4.1 Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

- Công ty tuân thủ các điều kiện về lao động như thời giờ làm việc nghỉ ngơi, môi trường làm việc đảm bảo, an toàn; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; bố trí cán bộ làm công tác an toàn vệ sinh lao động, thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên để kiểm tra, giám sát hoạt động an toàn lao động trong Công ty. Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm cho người lao động nhằm kịp thời phát hiện các bệnh nghề nghiệp. Thực hiện đầy đủ chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường có yếu tố độc hại.
- Duy trì chế độ phúc lợi cho người lao động làm việc tại Công ty như: hỗ trợ tiền xăng xe, điện thoại, phụ cấp suất ăn giữa ca, chế độ tiền thưởng ngày lễ tết, chế

độ khen thưởng sáng kiến; tặng quà cho nữ lao động nhân ngày 08/03, 20/10; tặng quà tết trung thu cho người lao động; các chế độ hiếu hỷ, ma chay, thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ các gia đình khó khăn,...

#### **2.4.2 Hoạt động đào tạo người lao động:**

- Duy trì các hoạt động đào tạo, cập nhật kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn hóa chất, an toàn phóng xạ, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ cho người lao động.
- Tổ chức diễn tập về Ứng phó tình huống khẩn cấp đối với sự cố tràn đổ hóa chất, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, tình huống đảm bảo an toàn nguồn phóng xạ.
- Đào tạo cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức quản lý điều hành cho các bộ công nhân viên

#### **2.5 Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

- Hàng năm Công ty đều trích 01 phần kinh phí để duy trì các hoạt động xã hội bao gồm công tác từ thiện và công tác cộng đồng. Tất cả các hỗ trợ trên góp phần rất lớn vào công tác quảng bá thương hiệu Bia Sài Gòn đến với người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh, đặc biệt hơn làm cho mọi người càng tin tưởng và tiêu dùng sản phẩm Bia Sài Gòn và coi Bia Sài Gòn như người bạn luôn đồng hành cùng địa phương trong các chương trình “Chung tay vì cộng đồng”.

## **VII QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

### **2 Hoạt động của Hội đồng quản trị**

| <b>STT</b> | <b>Thành viên</b>     | <b>Chức vụ</b> | <b>Số buổi họp tham dự</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|------------|-----------------------|----------------|----------------------------|--------------|
| 1          | Bà Phạm Thị Hồng Hạnh | Chủ tịch       | 5/5                        | 100%         |
| 2          | Ông Nguyễn Văn Đồi    | Thành viên     | 5/5                        | 100%         |
| 3          | Ông Nguyễn Xuân Hải   | Thành viên     | 4/5                        | 80%          |
| 4          | Ông Trần Nguyên Trung | Thành viên     | 5/5                        | 100%         |
| 5          | Ông Phạm Hồng Minh    | Thành viên     | 5/5                        | 100%         |

- Năm 2020 từ đánh giá tình hình chung cực kỳ khó khăn, Hội đồng quản trị đã định kỳ hàng quý họp một lần không kể những kỳ họp đột xuất và họp bằng phiếu lấy ý kiến để Giám đốc báo cáo những nội dung đã thực hiện và chưa thực hiện được theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo các kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch xây dựng đầu tư, nhân sự thông qua các nghị quyết và quyết định của HĐQT.

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng quản trị phân công theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với việc xây dựng kế hoạch, công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ban giám đốc.

- Các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc thường xuyên trao đổi thông tin, các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua các cuộc họp hoặc qua Email, điện thoại từ đó rút ra những tồn tại, hạn chế có giải pháp hiệu quả để hoàn thiện được tốt hơn.

- HĐQT đã làm việc với lãnh đạo Sabeco và Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu 02 lần/năm cùng tháo gỡ các khó khăn và đề nghị hỗ trợ công ty về sản lượng giao hàng tại tỉnh Bạc Liêu nhằm tăng ngân sách tỉnh, tăng việc làm cho người lao động và giữ vững thị trường Bia Sài Gòn.

Thù lao HĐQT thực hiện đúng theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

## 2.1 Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

| STT | Số Nghị quyết   | Ngày       | Nội dung   |
|-----|-----------------|------------|--|
| 1   | 01/2020/NQ-HĐQT | 04/02/2020 | Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2019   |
| 2   | 02/2020/NQ-HĐQT | 08/02/2020 | Thông qua việc chốt danh sách tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2020.  |
| 3   | 03/2020/NQ-HĐQT | 26/03/2020 | Thông qua việc phê duyệt hủy danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 lập ngày 5/3/2020. Phê duyệt hoãn ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020.   |
| 4   | 04/2020/NQ-HĐQT | 28/04/2020 | Thông qua việc chốt danh sách tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2020   |
| 5   | 05/2020/NQ-HĐQT | 06/06/2020 | Thông qua kế hoạch SXKD 5 tháng đầu năm, tiết kiệm chi phí, sản xuất tiêu thụ, thù lao HĐQT, BKS và dự kiến kế hoạch năm 2020, thông qua các tài liệu trình ĐHĐCĐ 2020.  |
| 6   | 08/2020/NQ-HĐQT | 03/09/2020 | Thông qua việc xin cấp giới hạn tín dụng, vay vốn và bảo đảm cấp tín dụng tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN4.  |
| 7   | 09/2020/NQ-HĐQT | 30/12/2020 | Phê duyệt KH SK 11 tháng năm 2020, chuẩn bị dự thảo điều chỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ, quy chế CBTT theo luật DN 2020 và thông tư 96/2020. Thống nhất thanh lý TSCĐ theo tờ trình 12/2020/TT-SGBL ngày 27/11/2020. |
| 8   | 10/2020/NQ-HĐQT | 30/12/2020 | Phê duyệt quyết toán quỹ lương, thưởng năng suất lao động năm 2020.  |

## 2.2 Các quyết định của Hội đồng quản trị.

| STT | Số quyết định   | Ngày       | Nội dung   |
|-----|-----------------|------------|--|
| 1   | 06/2020/QĐ-HĐQT | 26/06/2020 | QĐ phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2020                                       |
| 2   | 07/2020/QĐ-HĐQT | 06/07/2020 | QĐ ký hợp đồng kiểm toán soát xét BCTC giữa niên độ và kiểm toán BCTC năm 2020 |

## 2.3 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

## 2.4 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty

Hiện nay, các thành viên HĐQT của Công ty đều có nhiều năm kinh nghiệm về quản trị doanh nghiệp (chi tiết được nêu rõ tại phần sơ yếu lý lịch) đáp ứng được yêu cầu quản lý và điều hành doanh nghiệp.

## 3 Hoạt động của Ban Kiểm soát

### 3.1 Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát hoạt động điều hành của Công ty. Các thành viên thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty.

Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát tổ chức họp định kỳ, tổng cộng 03 buổi họp trong năm:

| STT | Thành viên             | Chức vụ    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ |
|-----|------------------------|------------|---------------------|-------|
| 1   | Ông Nguyễn Tấn Phiên   | Trưởng ban | 3/3                 | 100%  |
| 2   | Bà Trần Thị Ngọc Diệp  | Thành viên | 3/3                 | 100%  |
| 3   | Bà Dương Thị Thúy Hồng | Thành viên | 3/3                 | 100%  |

Các buổi họp được diễn ra với đầy đủ các thành viên trong Ban Kiểm soát, nội dung chủ yếu:

- Xem xét tính pháp lý, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Thẩm tra báo cáo tài chính của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính cũng như việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty;
- Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH KPMG là đơn vị kiểm toán độc lập tham gia kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2020.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

#### 4 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

##### 4.1 Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích

- Lương thưởng thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành

*DVT: Đồng*

|                                  | <b>Thù lao</b> | <b>Lương</b>  | <b>Thưởng</b> |
|----------------------------------|----------------|---------------|---------------|
| Hội đồng quản trị                | 924.000.000    |               |               |
| Ban Kiểm soát chuyên trách       | 126.000.000    |               |               |
| Ban Kiểm soát không chuyên trách | 84.000.000     |               |               |
| Ban điều hành                    |                | 3.354.240.214 |               |

Chi tiết cấu trúc thu nhập của từng thành viên.

| STT                                   | Họ và tên              | Chức vụ    | Cơ cấu thu nhập năm 2020(%) |       |        |
|---------------------------------------|------------------------|------------|-----------------------------|-------|--------|
|                                       |                        |            | Thù lao                     | Lương | Thưởng |
| <b>Hội đồng quản trị</b>              |                        |            |                             |       |        |
| 1                                     | Bà Phạm Thị Hồng Hạnh  | Chủ tịch   | 100                         |       |        |
| 2                                     | Ông Nguyễn Văn Đồi     | TV HĐQT    | 100                         |       |        |
| 3                                     | Ông Nguyễn Xuân Hải    | TV HĐQT    | 100                         |       |        |
| 4                                     | Ông Phạm Hồng Minh     | TV HĐQT    | 100                         |       |        |
| 5                                     | Ông Trần Nguyên Trung  | TV HĐQT    | 100                         |       |        |
| <b>Ban Kiểm soát</b>                  |                        |            |                             |       |        |
| 1                                     | Ông Nguyễn Tấn Phiên   | Trưởng BKS | 100                         |       |        |
| 2                                     | Bà Trần Thị Ngọc Diệp  | TV BKS     | 100                         |       |        |
| 3                                     | Bà Dương Thị Thúy Hồng | TV BKS     | 100                         |       |        |
| <b>Ban giám đốc và Kế toán trưởng</b> |                        |            |                             |       |        |
| 1                                     | Trịnh Công Vinh        | Giám đốc   |                             | 100   |        |

| STT | Họ và tên      | Chức vụ        | Cơ cấu thu nhập năm 2020(%) |       |        |
|-----|----------------|----------------|-----------------------------|-------|--------|
|     |                |                | Thù lao                     | Lương | Thưởng |
| 2   | Huỳnh Vạn Đồng | Phó GD         |                             | 100   |        |
| 3   | Trần Văn Sang  | Phó GD         |                             | 100   |        |
| 4   | Trần Thị Chất  | Kế Toán trưởng |                             | 100   |        |

#### 4.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có

#### 4.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

| STT | Họ và tên(cá nhân/ tổ chức)     | Chức vụ/mối quan hệ với công ty    | Giá trị hợp đồng            | Mục đích hợp đồng                           | Người thông qua hợp đồng/giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|---|------------------------------------|---------|
| 1   | TCT CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn | Tổ chức liên quan tới người nội bộ | Giá tạm tính: 668tỷ, 134 tỷ | Mua bán hàng hoá, NVL và kiểm soát sản xuất | ĐHĐCĐ                              |         |

#### 4.4 Việc thực hiện quy định về quản trị công ty

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

### VIII BÁO CÁO TÀI CHÍNH



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp số**

6003000028

ngày 22 tháng 12 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 6003000028 ngày 4 tháng 4 năm 2019. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Phạm Thị Hồng Hạnh  
Ông Nguyễn Văn Đồi  
Ông Nguyễn Xuân Hải  
Ông Phạm Hồng Minh  
Ông Trần Nguyễn Trung

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Tấn Phiên  
Bà Dương Thị Thúy Hồng  
Bà Trần Thị Ngọc Diệp

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trịnh Công Vinh  
Ông Trần Văn Sang  
Ông Huỳnh Vạn Đồng

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Lô B5, Khu Công nghiệp Trà Kha  
Phường 8, Thành phố Bạc Liêu  
Tỉnh Bạc Liêu  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Phạm Thị Hồng Hạnh  
Chủ tịch

Tỉnh Bạc Liêu, ngày 24 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00315-21-2



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2021



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

|  | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>31/12/2020<br/>VND</b> | <b>1/1/2020<br/>VND</b> |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>   |              |                    |                           |                         |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b><br>(100 = 110 + 130 + 140 + 150) | <b>100</b>   |                    | <b>39.166.416.251</b>     | <b>51.471.447.922</b>   |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                | <b>110</b>   | <b>6</b>           | <b>3.166.605.450</b>      | <b>13.126.377.144</b>   |
| Tiền   | 111          |                    | 466.605.450               | 376.377.144             |
| Các khoản tương đương tiền                               | 112          |                    | 2.700.000.000             | 12.750.000.000          |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                       | <b>130</b>   |                    | <b>3.782.366.150</b>      | <b>5.584.573.949</b>    |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng                         | 131          | 7                  | 5.302.917.883             | 7.832.743.380           |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn                         | 132          |                    | 1.333.883.489             | 691.506.101             |
| Phải thu ngắn hạn khác                                   | 136          |                    | 225.735.778               | 140.495.468             |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                       | 137          | 8                  | (3.080.171.000)           | (3.080.171.000)         |
| <b>Hàng tồn kho</b>                                      | <b>140</b>   | <b>9</b>           | <b>31.899.448.486</b>     | <b>32.225.740.181</b>   |
| Hàng tồn kho   | 141          |                    | 32.376.768.878            | 32.724.056.224          |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                           | 149          |                    | (477.320.392)             | (498.316.043)           |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                             | <b>150</b>   |                    | <b>317.996.165</b>        | <b>534.756.648</b>      |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                               | 151          |                    | 317.996.165               | 534.756.648             |
| <b>Tài sản dài hạn</b><br>(200 = 210 + 220 + 240 + 260)  | <b>200</b>   |                    | <b>266.848.677.085</b>    | <b>304.415.817.401</b>  |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>                        | <b>210</b>   |                    | <b>5.000.000</b>          | <b>5.000.000</b>        |
| Phải thu dài hạn khác                                    | 216          |                    | 5.000.000                 | 5.000.000               |
| <b>Tài sản cố định</b>                                   | <b>220</b>   |                    | <b>257.875.219.601</b>    | <b>288.495.277.649</b>  |
| Tài sản cố định hữu hình                                 | 221          | 10                 | 257.791.258.100           | 288.372.791.175         |
| Nguyên giá   | 222          |                    | 486.511.791.678           | 484.615.345.611         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                   | 223          |                    | (228.720.533.578)         | (196.242.554.436)       |
| Tài sản cố định vô hình                                  | 227          | 11                 | 83.961.501                | 122.486.474             |
| Nguyên giá   | 228          |                    | 336.516.165               | 336.516.165             |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                   | 229          |                    | (252.554.664)             | (214.029.691)           |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>                           | <b>240</b>   |                    | <b>688.294.430</b>        | <b>642.294.430</b>      |
| Xây dựng cơ bản dở dang                                  | 242          | 12                 | 688.294.430               | 642.294.430             |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                              | <b>260</b>   |                    | <b>8.280.163.054</b>      | <b>15.273.245.322</b>   |
| Chi phí trả trước dài hạn                                | 261          | 13                 | 8.280.163.054             | 15.273.245.322          |
| <b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>                    | <b>270</b>   |                    | <b>306.015.093.336</b>    | <b>355.887.265.323</b>  |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

|  | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>31/12/2020<br/>VND</b> | <b>1/1/2020<br/>VND</b> |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>   |              |                    |                           |                         |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>                                 | <b>300</b>   |                    | <b>117.104.041.172</b>    | <b>157.538.902.210</b>  |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>   | <b>310</b>   |                    | <b>76.409.520.591</b>     | <b>98.757.928.041</b>   |
| Phải trả người bán ngắn hạn  | 311          | 14                 | 3.974.966.909             | 5.416.956.345           |
| Thuế phải nộp Nhà nước   | 313          | 15                 | 40.972.999.548            | 59.298.424.909          |
| Phải trả người lao động  | 314          |                    | 3.918.267.864             | 5.168.121.071           |
| Chi phí phải trả ngắn hạn  | 315          |                    | 440.645.160               | 1.079.259.631           |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                                    | 318          |                    | 138.181.819               | -                       |
| Phải trả ngắn hạn khác   | 319          |                    | 1.755.684.996             | 1.138.995.506           |
| Vay ngắn hạn   | 320          | 16(a)              | 25.101.071.331            | 26.112.317.615          |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi  | 322          | 17                 | 107.702.964               | 543.852.964             |
| <b>Nợ dài hạn</b>  | <b>330</b>   |                    | <b>40.694.520.581</b>     | <b>58.780.974.169</b>   |
| Vay dài hạn  | 338          | 16(b)              | 40.694.520.581            | 58.780.974.169          |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>                                    | <b>400</b>   |                    | <b>188.911.052.164</b>    | <b>198.348.363.113</b>  |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>  | <b>410</b>   | <b>18</b>          | <b>188.911.052.164</b>    | <b>198.348.363.113</b>  |
| Vốn cổ phần  | 411          | 19                 | 120.120.000.000           | 120.120.000.000         |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>                      | 411a         |                    | 120.120.000.000           | 120.120.000.000         |
| Quỹ đầu tư phát triển  | 418          | 21                 | 27.919.729.439            | 27.919.729.439          |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                                    | 421          |                    | 40.871.322.725            | 50.308.633.674          |
| - <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i> | 421a         |                    | 38.296.633.674            | 33.995.682.371          |
| - <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>                   | 421b         |                    | 2.574.689.051             | 16.312.951.303          |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>                              | <b>440</b>   |                    | <b>306.015.093.336</b>    | <b>355.887.265.323</b>  |

Ngày 24 tháng 3 năm 2021

Người lập:



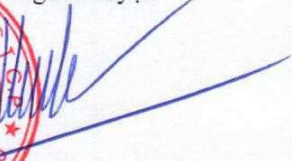
Ngô Quang Thoại  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

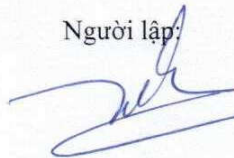
**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | Mã số     | Thuyết minh | 2020<br>VND            | 2019<br>VND            |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                                    | <b>01</b> | <b>23</b>   | <b>195.693.858.220</b> | <b>266.490.748.789</b> |
| <b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>                                      | <b>11</b> | <b>24</b>   | <b>173.406.173.579</b> | <b>220.018.881.816</b> |
| <b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>  | <b>20</b> |             | <b>22.287.684.641</b>  | <b>46.471.866.973</b>  |
| Doanh thu hoạt động tài chính  | 21        |             | 38.696.030             | 13.484.212             |
| Chi phí tài chính  | 22        |             | 7.086.098.444          | 8.627.399.596          |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>   | 23        |             | <i>7.086.098.444</i>   | <i>8.627.399.596</i>   |
| Chi phí bán hàng   | 25        |             | 680.076.970            | 1.013.032.298          |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp   | 26        | 25          | 11.554.484.078         | 13.955.523.139         |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b> | <b>30</b> |             | <b>3.005.721.179</b>   | <b>22.889.396.152</b>  |
| Thu nhập khác  | 31        |             | 195.747.167            | 245.679.481            |
| Chi phí khác   | 32        |             | 128.167.842            | 1.333.186.093          |
| <b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>                              | <b>40</b> |             | <b>67.579.325</b>      | <b>(1.087.506.612)</b> |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                               | <b>50</b> |             | <b>3.073.300.504</b>   | <b>21.801.889.540</b>  |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>   | <b>51</b> | <b>27</b>   | <b>498.611.453</b>     | <b>3.577.730.273</b>   |
| <b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>  | <b>52</b> | <b>27</b>   | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>                         | <b>60</b> |             | <b>2.574.689.051</b>   | <b>18.224.159.267</b>  |
| <b>Lãi trên cổ phiếu</b>   |           |             |                        |                        |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu   | 70        | 28          | 214                    | 1.441                  |

Ngày 24 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Ngô Quang Thoại  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

|  | <b>Mã<br/>số</b> | <b>Thuyết<br/>minh</b> | <b>2020<br/>VND</b>    | <b>2019<br/>VND</b>    |
|--|------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                 |                  |                        |                        |                        |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>  | <b>01</b>        |                        | <b>3.073.300.504</b>   | <b>21.801.889.540</b>  |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>  |                  |                        |                        |                        |
| Khấu hao và phân bổ  | 02               |                        | 33.648.184.727         | 32.902.114.269         |
| Hoàn nhập các khoản dự phòng   | 03               |                        | (20.995.651)           | (47.039.428)           |
| (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư   | 05               |                        | (25.073.642)           | 1.287.475.287          |
| Chi phí lãi vay  | 06               |                        | 7.086.098.444          | 8.627.399.596          |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh<br/>trước những thay đổi vốn lưu động</b> | <b>08</b>        |                        | <b>43.761.514.382</b>  | <b>64.571.839.264</b>  |
| <br>   |                  |                        |                        |                        |
| Biến động các khoản phải thu   | 09               |                        | 2.215.316.072          | 1.465.751.921          |
| Biến động hàng tồn kho   | 10               |                        | 347.287.346            | 3.452.567.320          |
| Biến động các khoản phải trả và<br>nợ phải trả khác                            | 11               |                        | (19.968.355.322)       | 2.202.548.580          |
| Biến động chi phí trả trước  | 12               |                        | 7.461.353.529          | (7.677.716.783)        |
|  |                  |                        | <b>33.817.116.007</b>  | <b>64.014.990.302</b>  |
| <br>   |                  |                        |                        |                        |
| Tiền lãi vay đã trả  | 14               |                        | (7.115.477.957)        | (8.646.281.748)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15               |                        | (1.401.887.784)        | (3.534.761.946)        |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17               |                        | (436.150.000)          | (2.074.668.467)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động<br/>kinh doanh</b>                       | <b>20</b>        |                        | <b>24.863.600.266</b>  | <b>49.759.278.141</b>  |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                     |                  |                        |                        |                        |
| <br>   |                  |                        |                        |                        |
| Tiền chi mua tài sản cố định   | 21               |                        | (3.870.199.934)        | (10.690.293.620)       |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định   | 22               |                        | 117.831.816            | 2.894.363.636          |
| Tiền thu lãi tiền gửi  | 27               |                        | 38.696.030             | 13.484.212             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động<br/>đầu tư</b>                           | <b>30</b>        |                        | <b>(3.713.672.088)</b> | <b>(7.782.445.772)</b> |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



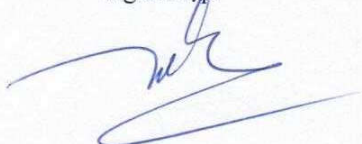
**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

|   | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | 2020<br>VND             | 2019<br>VND             |
|---|-----------|----------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                     |           |                |                         |                         |
| Tiền thu từ đi vay  | 33        |                | 313.712.257.980         | 296.600.921.858         |
| Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34        |                | (332.809.957.852)       | (309.261.511.419)       |
| Tiền chi trả cổ tức   | 36        |                | (12.012.000.000)        | (18.028.296.000)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>               | <b>40</b> |                | <b>(31.109.699.872)</b> | <b>(30.688.885.561)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>        | <b>50</b> |                | <b>(9.959.771.694)</b>  | <b>11.287.946.808</b>   |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>                 | <b>60</b> |                | <b>13.126.377.144</b>   | <b>1.838.430.336</b>    |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b> | <b>70</b> | <b>6</b>       | <b>3.166.605.450</b>    | <b>13.126.377.144</b>   |

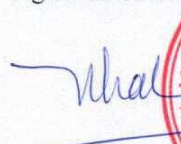
Ngày 24 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Ngô Quang Thoại  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 23 tháng 1 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã là SBL.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh cồn – rượu; cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận tải hàng hóa liên tỉnh.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 112 nhân viên (1/1/2020: 117 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 37.243 triệu VND (1/1/2020: 47.286 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 16). Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có với giá trị là 52.985 triệu VND (1/1/2020: 61.974 triệu VND) và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 50 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 5 – 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 10 năm     |
| ▪ thiết bị quản lý       | 3 – 8 năm  |

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

***(i) Bao bì luân chuyển***

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

***(ii) Chi phí nâng cấp***

Chi phí nâng cấp tài sản cố định phản ánh các chi phí sửa chữa, thay thế định kỳ máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không đủ điều kiện để ghi nhận vào nguyên giá tài sản cố định. Chi phí nâng cấp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

***(iii) Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

***(i) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

***(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(s) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**4. Ảnh hưởng của Covid-19 và các nghị định mới**

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, bên liên quan, do đó cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất và kinh doanh bia rượu. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

**5. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa liên tỉnh. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                | 31/12/2020<br>VND | 1/1/2020<br>VND |
|--------------------------------|-------------------|-----------------|
| Tiền mặt                       | 250.576.653       | 239.851.026     |
| Tiền gửi ngân hàng             | 216.028.797       | 136.526.118     |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 2.700.000.000     | 12.750.000.000  |
|                                | 3.166.605.450     | 13.126.377.144  |

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 3,0% đến 5,0% một năm (1/1/2020: 3,0% đến 5,0% một năm).

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

|  | 31/12/2020<br>VND | 1/1/2020<br>VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 2.197.169.700     | 4.688.242.020   |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Bạc Liêu             | 3.080.171.000     | 3.080.171.000   |
| Các khách hàng khác                                      | 25.577.183        | 64.330.360      |
|  | 5.302.917.883     | 7.832.743.380   |

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

|  | 31/12/2020<br>VND | 1/1/2020<br>VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 2.197.169.700     | 4.688.242.020   |
| Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam         | -                 | 22.256.850      |
|  | 2.197.169.700     | 4.710.498.870   |

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

|  | 31/12/2020 và 1/1/2020 |                 | Giá trị có thể thu hồi VND |
|--|------------------------|-----------------|----------------------------|
|  | Giá gốc VND            | Dự phòng VND    |                            |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Bạc Liêu | 3.080.171.000          | (3.080.171.000) | -                          |

**9. Hàng tồn kho**

|                                     | 31/12/2020            |                      | 1/1/2020              |                      |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
|                                     | Giá gốc VND           | Dự phòng VND         | Giá gốc VND           | Dự phòng VND         |
| Nguyên vật liệu                     | 8.604.238.758         | -                    | 7.955.617.839         | -                    |
| Công cụ và dụng cụ                  | 4.093.327.670         | (477.320.392)        | 5.309.299.912         | (498.316.043)        |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 12.329.699.168        | -                    | 11.479.946.447        | -                    |
| Thành phẩm                          | 7.343.411.323         | -                    | 7.933.389.537         | -                    |
| Hàng hóa                            | 6.091.959             | -                    | 45.802.489            | -                    |
|                                     | <u>32.376.768.878</u> | <u>(477.320.392)</u> | <u>32.724.056.224</u> | <u>(498.316.043)</u> |

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

|                              | 2020 VND           | 2019 VND           |
|------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số dư đầu năm                | 498.316.043        | 824.389.936        |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm | (20.995.651)       | (47.039.428)       |
| Dự phòng sử dụng trong năm   | -                  | (279.034.465)      |
| Số dư cuối năm               | <u>477.320.392</u> | <u>498.316.043</u> |

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

| Nguyên giá                            | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc<br>VND | Máy móc và<br>thiết bị<br>VND | Phương tiện<br>vận chuyển<br>VND | Thiết bị<br>quản lý<br>VND | Tổng<br>VND     |
|---------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|----------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm                         | 107.476.150.837                  | 369.799.340.853               | 5.998.968.590                    | 1.340.885.331              | 484.615.345.611 |
| Tăng trong năm                        | -                                | 1.786.797.000                 | -                                | 101.854.814                | 1.888.651.814   |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang     | 610.618.418                      | 597.569.610                   | -                                | 71.524.546                 | 1.279.712.574   |
| Thanh lý                              | (211.359.282)                    | (1.046.389.039)               | -                                | -                          | (1.257.748.321) |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (14.170.000)                     | -                             | -                                | -                          | (14.170.000)    |
| Số dư cuối năm                        | 107.861.239.973                  | 371.137.318.424               | 5.998.968.590                    | 1.514.264.691              | 486.511.791.678 |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>         |                                  |                               |                                  |                            |                 |
| Số dư đầu năm                         | 30.723.626.026                   | 160.020.488.609               | 4.244.936.440                    | 1.253.503.361              | 196.242.554.436 |
| Khấu hao trong năm                    | 4.359.725.856                    | 28.825.295.597                | 322.208.958                      | 102.429.343                | 33.609.659.754  |
| Thanh lý                              | (91.043.057)                     | (1.035.251.060)               | -                                | -                          | (1.126.294.117) |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (5.386.495)                      | -                             | -                                | -                          | (5.386.495)     |
| Số dư cuối năm                        | 34.986.922.330                   | 187.810.533.146               | 4.567.145.398                    | 1.355.932.704              | 228.720.533.578 |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                                  |                               |                                  |                            |                 |
| Số dư đầu năm                         | 76.752.524.811                   | 209.778.852.244               | 1.754.032.150                    | 87.381.970                 | 288.372.791.175 |
| Số dư cuối năm                        | 72.874.317.643                   | 183.326.785.278               | 1.431.823.192                    | 158.331.987                | 257.791.258.100 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 14.789 triệu VND (1/1/2020: 10.233 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 213.626 triệu VND (1/1/2020: 241.047 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

|                               | <b>Phần mềm<br/>máy vi tính<br/>VND</b> |
|-------------------------------|---|
| <b>Nguyên giá</b>             |   |
| Số dư đầu năm và cuối năm     | 336.516.165                             |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |   |
| Số dư đầu năm                 | 214.029.691                             |
| Khấu hao trong năm            | 38.524.973                              |
| Số dư cuối năm                | 252.554.664                             |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |   |
| Số dư đầu năm                 | 122.486.474                             |
| Số dư cuối năm                | 83.961.501                              |

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 38 triệu VND (1/1/2020: 38 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

|                                       | <b>2020<br/>VND</b> | <b>2019<br/>VND</b> |
|---------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm                         | 642.294.430         | 1.397.736.339       |
| Tăng trong năm                        | 1.568.439.847       | 16.201.019.499      |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình  | (1.279.712.574)     | (16.956.461.408)    |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (242.727.273)       | -                   |
| Số dư cuối năm                        | 688.294.430         | 642.294.430         |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

|  | Bao bì<br>luân chuyển<br>VND | Chi phí<br>nâng cấp<br>VND | Công cụ<br>và dụng cụ<br>VND | Tổng<br>VND     |
|--|------------------------------|----------------------------|------------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm                            | 9.717.411.919                | 5.435.536.737              | 120.296.666                  | 15.273.245.322  |
| Tăng trong năm                           | -                            | -                          | 379.394.931                  | 379.394.931     |
| Chuyển sang tài sản<br>cố định hữu hình  | -                            | -                          | 8.783.505                    | 8.783.505       |
| Chuyển sang chi phí<br>trả trước dài hạn | -                            | 242.727.273                | -                            | 242.727.273     |
| Phân bổ trong năm                        | (4.553.269.815)              | (2.936.739.654)            | (133.978.508)                | (7.623.987.977) |
| Số dư cuối năm                           | 5.164.142.104                | 2.741.524.356              | 374.496.594                  | 8.280.163.054   |

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

|  | Giá trị ghi sổ/<br>Số có khả năng trả nợ |                 |
|--|--|-----------------|
|  | 31/12/2020<br>VND                        | 1/1/2020<br>VND |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Mê Kông Bạc Liêu               | 763.079.444                              | 1.014.193.756   |
| Công ty TNHH SX - TM Phước Thành IV                        | 552.057.600                              | -               |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Vệ sĩ Long Hải<br>Bạc Liêu | 442.587.334                              | -               |
| Các nhà cung cấp khác                                      | 2.217.242.531                            | 4.402.762.589   |
|  | 3.974.966.909                            | 5.416.956.345   |

**15. Thuế phải nộp Nhà nước**

|                               | 1/1/2020<br>VND | Số phát sinh<br>trong năm<br>VND | Số đã nộp/cán<br>trừ trong năm<br>VND | 31/12/2020<br>VND |
|-------------------------------|-----------------|----------------------------------|---------------------------------------|-------------------|
| Thuế tiêu thụ đặc biệt        | 51.248.064.703  | 196.193.214.392                  | (211.935.583.466)                     | 35.505.695.629    |
| Thuế thu nhập<br>doanh nghiệp | 1.401.887.784   | 498.611.453                      | (1.401.887.784)                       | 498.611.453       |
| Thuế giá trị gia tăng         | 6.561.083.440   | 39.099.645.471                   | (40.765.746.687)                      | 4.894.982.224     |
| Thuế thu nhập cá nhân         | 65.196.502      | 1.373.859.705                    | (1.381.181.725)                       | 57.874.482        |
| Thuế tài nguyên               | 22.192.480      | 150.885.280                      | (157.242.000)                         | 15.835.760        |
|                               | 59.298.424.909  | 237.316.216.301                  | (255.641.641.662)                     | 40.972.999.548    |

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

|                         | 1/1/2020                                 |                 | Biến động trong năm |  | 31/12/2020 |
|-------------------------|--|-----------------|---------------------|--|------------|
|                         | Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND        | Giảm VND            | Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND |            |
| Vay ngắn hạn            | 8.025.864.027                            | 313.712.257.980 | (314.723.504.264)   | 7.014.617.743                            |            |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 18.086.453.588                           | 18.086.453.588  | (18.086.453.588)    | 18.086.453.588                           |            |
|                         | 26.112.317.615                           | 331.798.711.568 | (332.809.957.852)   | 25.101.071.331                           |            |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

|   | Loại tiền | Lãi suất năm | 31/12/2020 VND | 1/1/2020 VND  |
|---|-----------|--------------|----------------|---------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 | VND       | 5,0% - 5,8%  | 7.014.617.743  | 8.025.864.027 |

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”) - Chi nhánh 4 có hạn mức tín dụng là 60.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình như được trình bày ở Thuyết minh 16(b).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

|                                       | <b>31/12/2020</b><br><b>VND</b> | <b>1/1/2020</b><br><b>VND</b> |
|---------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Vay dài hạn                           | 58.780.974.169                  | 76.867.427.757                |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (18.086.453.588)                | (18.086.453.588)              |
|                                       | <hr/>                           | <hr/>                         |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng        | 40.694.520.581                  | 58.780.974.169                |
|                                       | <hr/>                           | <hr/>                         |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

|                          | <b>Loại tiền</b> | <b>Lãi suất năm</b> | <b>Năm đáo hạn</b> | <b>31/12/2020</b><br><b>VND</b> | <b>1/1/2020</b><br><b>VND</b> |
|--------------------------|------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Vietinbank - Chi nhánh 4 | VND              | 7,96% - 8,63%       | 2024               | 58.780.974.169                  | 76.867.427.757                |
|                          |                  |                     |                    | <hr/>                           | <hr/>                         |

Khoản vay dài hạn từ Vietinbank - Chi nhánh 4 có hạn mức tín dụng là 107.000 triệu VND.

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 213.626 triệu VND (1/1/2020: 241.047 triệu VND) (Thuyết minh 10).

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

|                                      | <b>2020</b><br><b>VND</b> | <b>2019</b><br><b>VND</b> |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm                        | 543.852.964               | 1.707.313.467             |
| Trích lập trong năm (Thuyết minh 18) | -                         | 911.207.964               |
| Sử dụng trong năm                    | (436.150.000)             | (2.074.668.467)           |
|                                      | <hr/>                     | <hr/>                     |
| Số dư cuối năm                       | 107.702.964               | 543.852.964               |
|                                      | <hr/>                     | <hr/>                     |

NH  
NH  
3  
CHT

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

|  | <b>Vốn cổ phần<br/>VND</b> | <b>Quỹ đầu tư<br/>phát triển<br/>VND</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế<br/>chưa phân phối<br/>VND</b> | <b>Tổng<br/>VND</b> |
|--|----------------------------|--|--|---------------------|
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>         | 120.120.000.000            | 27.919.729.439                           | 52.013.682.371                                       | 200.053.411.810     |
| Lợi nhuận thuần trong năm                        | -                          | -  | 18.224.159.267                                       | 18.224.159.267      |
| Cổ tức (Thuyết minh 20)                          | -                          | -  | (18.018.000.000)                                     | (18.018.000.000)    |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17) | -                          | -  | (911.207.964)  | (911.207.964)       |
| Trích quỹ công tác xã hội                        | -                          | -  | (1.000.000.000)                                      | (1.000.000.000)     |
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>         | 120.120.000.000            | 27.919.729.439                           | 50.308.633.674                                       | 198.348.363.113     |
| Lợi nhuận thuần trong năm                        | -                          | -  | 2.574.689.051  | 2.574.689.051       |
| Cổ tức (Thuyết minh 20)                          | -                          | -  | (12.012.000.000)                                     | (12.012.000.000)    |
| <b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>       | 120.120.000.000            | 27.919.729.439                           | 40.871.322.725                                       | 188.911.052.164     |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 19. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

|   | <b>31/12/2020 và 1/1/2020</b> |                 |
|---|-------------------------------|-----------------|
|   | <b>Số cổ phiếu</b>            | <b>VND</b>      |
| <b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b> |                               |                 |
| Cổ phiếu phổ thông                            | 12.012.000                    | 120.120.000.000 |
| <b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>              |                               |                 |
| Cổ phiếu phổ thông                            | 12.012.000                    | 120.120.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## 20. **Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 15 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 12.012 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2019: Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 30.030 triệu VND, tương đương 2.500 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018, trong đó 12.012 triệu VND đã được ứng trước cho các cổ đông trong năm 2018).

## 21. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

|                    | <b>31/12/2020</b><br><b>VND</b> | <b>1/1/2020</b><br><b>VND</b> |
|--------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Trong vòng một năm | 310.997.950                     | 310.997.950                   |
| Từ hai đến năm năm | 1.301.223.163                   | 1.313.487.027                 |
| Sau năm năm        | 11.613.522.819                  | 11.803.757.524                |
|                    | <hr/>                           | <hr/>                         |
|                    | 13.225.743.932                  | 13.428.242.501                |

**23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

|                    | <b>2020</b><br><b>VND</b> | <b>2019</b><br><b>VND</b> |
|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tổng doanh thu     |                           |                           |
| ▪ Bán thành phẩm   | 189.828.620.000           | 261.938.002.876           |
| ▪ Cung cấp dịch vụ | 1.782.934.547             | 712.373.540               |
| ▪ Doanh thu khác   | 4.082.303.673             | 3.840.372.373             |
|                    | <hr/>                     | <hr/>                     |
|                    | 195.693.858.220           | 266.490.748.789           |

**24. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

|  | <b>2020</b><br><b>VND</b> | <b>2019</b><br><b>VND</b> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp  |                           |                           |
| ▪ Thành phẩm đã bán                        | 172.487.398.049           | 218.891.628.054           |
| ▪ Dịch vụ đã cung cấp                      | 749.351.928               | 196.015.440               |
| ▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (20.995.651)              | (47.039.428)              |
| ▪ Giá vốn khác                             | 190.419.253               | 978.277.750               |
|  | <hr/>                     | <hr/>                     |
|  | 173.406.173.579           | 220.018.881.816           |

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                             | <b>2020<br/>VND</b> | <b>2019<br/>VND</b> |
|-----------------------------|---------------------|---------------------|
| Chi phí nhân viên           | 6.407.004.341       | 7.024.476.422       |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài   | 1.597.136.137       | 2.020.683.769       |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 83.593.702          | 113.110.179         |
| Chi phí quản lý khác        | 3.466.749.898       | 4.797.252.769       |
|                             | <hr/>               | <hr/>               |
|                             | 11.554.484.078      | 13.955.523.139      |

**26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

|  | <b>2020<br/>VND</b> | <b>2019<br/>VND</b> |
|--|---------------------|---------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 96.961.946.168      | 144.315.068.553     |
| Chi phí nhân công và nhân viên                 | 23.457.833.592      | 25.361.021.754      |
| Chi phí khấu hao và phân bổ                    | 33.648.184.727      | 32.902.114.269      |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 14.364.879.245      | 17.764.850.559      |
| Chi phí khác                                   | 17.207.890.895      | 13.450.632.575      |

**27. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

|   | <b>2020<br/>VND</b> | <b>2019<br/>VND</b> |
|---|---------------------|---------------------|
| <b>Chi phí thuế hiện hành</b>                           |                     |                     |
| Năm hiện hành   | 498.611.453         | 3.472.842.773       |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước | -                   | 104.887.500         |
|   | <hr/>               | <hr/>               |
|   | 498.611.453         | 3.577.730.273       |

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

|   | <b>2020<br/>VND</b> | <b>2019<br/>VND</b>  |
|---|---------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế                            | 3.073.300.504       | 21.801.889.540       |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty                    | 460.995.076         | 3.270.283.431        |
| Chi phí không được khấu trừ thuế                        | 251.307.000         | 202.559.342          |
| Ưu đãi thuế   | (213.690.623)       | -                    |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước | -                   | 104.887.500          |
|   | <u>498.611.453</u>  | <u>3.577.730.273</u> |

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm tính từ năm đầu tiên đi vào hoạt động (2009). Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2009 đến 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ 2012 đến 2018).

Theo quy định của Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế năm 2020 do có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ VND.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

|  | <b>2020</b>   | <b>2019</b>    |
|--|---------------|----------------|
|  | <b>VND</b>    | <b>VND</b>     |
| Lợi nhuận thuần trong năm                    | 2.574.689.051 | 18.224.159.267 |
| Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | -             | (911.207.964)  |
|  | <hr/>         | <hr/>          |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông   | 2.574.689.051 | 17.312.951.303 |
|  | <hr/>         | <hr/>          |

(\*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 12.012.000 cổ phiếu.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

|   | Giá trị giao dịch |                 |
|---|-------------------|-----------------|
|   | 2020<br>VND       | 2019<br>VND     |
| <b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b> |                   |                 |
| Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)           | 189.812.690.617   | 261.898.263.483 |
| Mua nguyên vật liệu   | 71.025.203.280    | 100.778.164.589 |
| <b>Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co</b>              |                   |                 |
| Mua hàng hóa  | 245.998.400       | 397.000.000     |
| Mua dịch vụ   | -                 | 110.800.000     |
| <b>Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng</b>                 |                   |                 |
| Cho mượn nguyên vật liệu  | 3.653.638         | -               |
| Giao dịch khác  | 28.602.000        | -               |
| <b>Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn</b>                  |                   |                 |
| Cung cấp dịch vụ  | 1.000.000.000     | 138.029.880     |
| Phí sử dụng vỏ chai   | 1.976.633.000     | 3.442.858.194   |
| <b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>          |                   |                 |
| Mua hàng hóa  | 851.553.457       | 248.423.370     |
| <b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây</b>                   |                   |                 |
| Cổ tức  | -                 | 3.603.600.000   |
| Mua nguyên vật liệu   | 96.414.284        | 1.550.000       |
| <b>Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam</b>         |                   |                 |
| Giao dịch khác  | 35.112.000        | 36.067.500      |
| <b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long</b>                  |                   |                 |
| Vay   | 12.500.000.000    | -               |
| Giao dịch khác  | -                 | 28.287.000      |
| <b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>                                 |                   |                 |
| Lương, thưởng và các quyền lợi khác                             | 4.488.240.214     | 6.242.771.769   |

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **30. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Ngô Quang Thoại  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc



Ngày 07 tháng 04 năm 2021

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**PHẠM THỊ HỒNG HẠNH**